

**TĐT** CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TĐT

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



# MỤC LỤC

## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

#### A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	28
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	30
A7. Các rủi ro	34

#### C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	50
C2. Tình hình tài chính	52
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	54

#### B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2021

B1. Thông tin ngành	38
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	38
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	39
B4. Tổ chức và nhân sự	42
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	43
B6. Tình hình tài chính	44
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	46

#### D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2021	58
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	58
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	59
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2021	60
D5. Định hướng hoạt động năm 2022	62

#### E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

E1. Hội đồng quản trị	66
E2. Ban kiểm soát	66
E3. Tăng trưởng quản trị công ty	69

#### G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. Chính sách người lao động	72
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	74

## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên;

Năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid 19 đã được kiểm soát tốt hơn trên toàn thế giới. Tại các thị trường xuất khẩu dệt may chính của Việt Nam như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, với tỷ lệ tiêm chủng cao các hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa du lịch, thể thao tại các thị trường này dần trở lại bình thường. Việc này giúp cho nhu cầu về các sản phẩm may mặc tăng trở lại, các đơn đặt hàng tăng trưởng ổn định hơn giúp cho các doanh nghiệp dệt may nói chung và TDT nói riêng đạt được những tăng trưởng đáng ghi nhận so với năm 2020. Đến cuối năm 2021, tổng giá trị xuất khẩu ngành dệt may đạt 39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2020 và hồi phục trở lại mức trước đại dịch Covid-19, đây là tín hiệu khả quan với toàn ngành khi Việt Nam đang tận dụng những cơ hội từ những chính sách như UKFTA, EVFTA và làn sóng chuyển dịch sản xuất ngành từ Trung Quốc. Trong năm 2021, các chi phí đầu vào tăng khá mạnh, bao gồm nguyên vật liệu, vận tải, nhân công, chi phí phòng chống dịch phần nào ảnh hưởng tới biên lợi nhuận của các doanh nghiệp dệt may nói chung, TDT nói riêng.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban TGD trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra và đã đạt được một số mục tiêu như sau: Đảm bảo phòng chống dịch bệnh, đảm bảo việc làm cho người lao động ổn định tâm lý để gia tăng công suất nhà máy đáp ứng đơn hàng mới từ những khách hàng lớn, gia tăng thêm 500 lao động mới và 8 chuyền may để đáp ứng nhu cầu cả lượng và chất đối với các đối tác. Trong năm 2021, TDT tiếp tục đẩy mạnh tiêu chí “con người là tài nguyên”, thu nhập bình quân người lao động tăng ~10% đáp ứng nhu cầu thiết yếu của toàn thể lao động tại công ty, ổn định đời sống cho công nhân. Về chiến lược mở rộng và phát triển, TDT đã đầu tư hoàn thiện nhà máy Đại Từ giai đoạn 1, nâng công suất nhà máy Đại Từ giai đoạn 1 lên 28 chuyền may và chuyển đổi mặt hàng tại nhà máy Đại Từ từ dệt thoi sang 100% dệt kim.

Cũng trong năm 2021, TDT đã phát hành tăng vốn thành công bao gồm: phát hành ESOP cho cán bộ công nhân viên công ty, chi cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu và phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ công ty lên 213.367.320.000đ. Điều này cho thấy niềm tin của cổ đông đối với TDT và việc tăng vốn thành công đảm bảo bổ sung nguồn vốn cho mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề cho việc hoàn thành kế hoạch năm 2022.

Mục tiêu lớn nhất của TDT là đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của các bên liên quan như đối tác, khách hàng, người lao động và lợi ích xã hội. Đích đến mà Công ty hướng tới hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Ban lãnh đạo Công ty cam kết luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty liên tục tăng trưởng, tạo dựng vị thế và xây dựng uy tín trên thị trường Việt Nam và thế giới. Chiến lược trong 3 năm 2022-2024: (1) Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, quy mô về lao động, quyết tâm giữ mức tăng trưởng doanh thu lợi nhuận trong 3 năm 2022-2024 duy trì ổn định từ 20-25%. (2) Liên tục Nâng cao thu nhập và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Hướng tới mục tiêu phát triển doanh nghiệp xanh, tăng trưởng bền vững.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã theo dõi và đồng hành cùng Công ty trong suốt tiến trình gây dựng và trưởng thành. Cùng nhau, chúng ta hãy tạo nên một tập thể đoàn kết, lớn mạnh, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT

CHU THUYỀN

## TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### TẦM NHÌN

TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đẳng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.



### SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên cho mọi thành viên của TDT. Hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng; minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật.



### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

UY TÍN: Luôn chuẩn bị đầy đủ năng lực thực thi và nỗ lực hết mình để đảm bảo đúng cam kết.

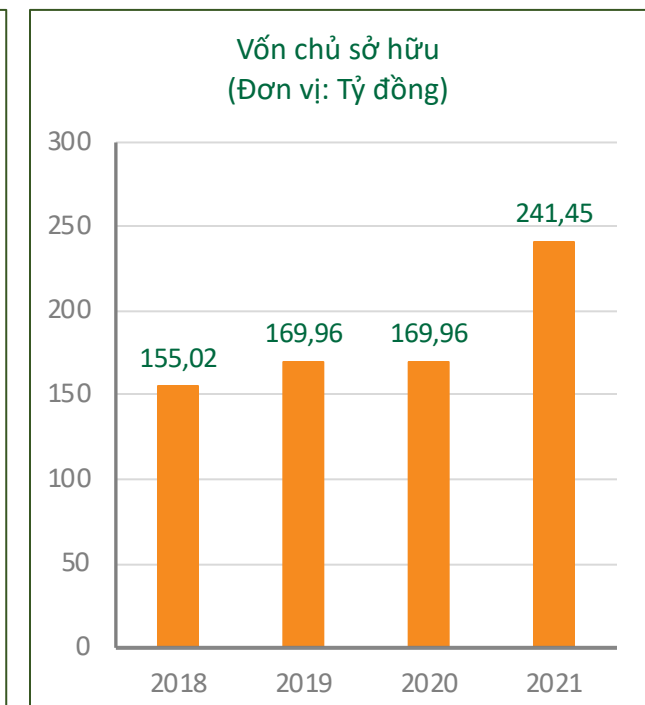
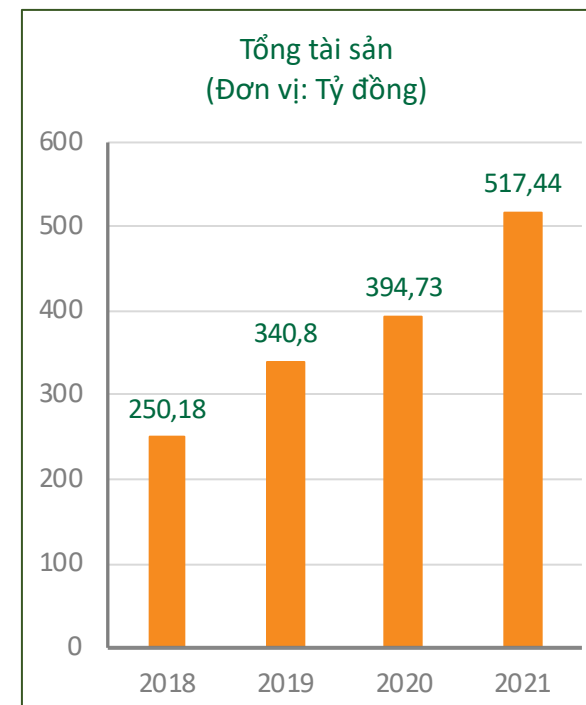
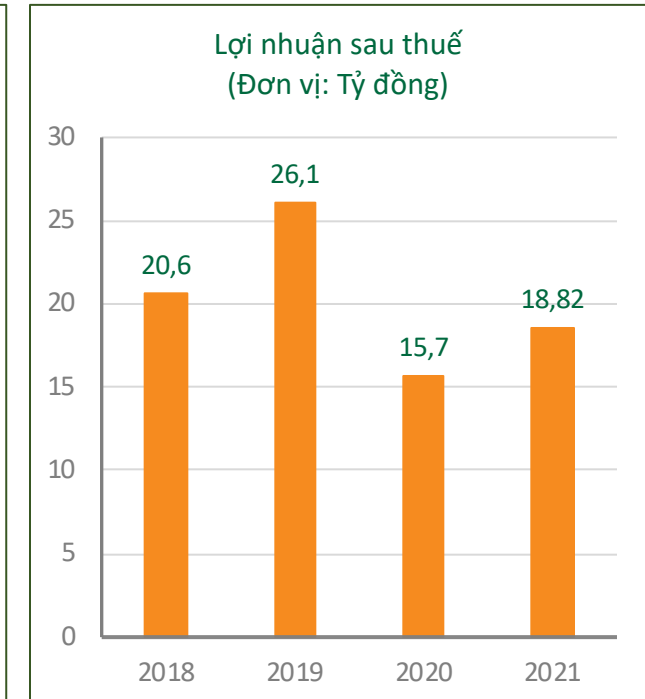
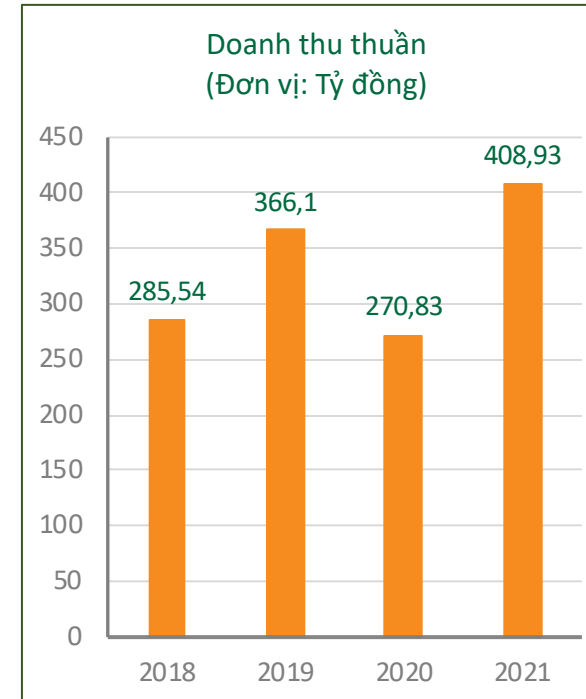
ĐOÀN KẾT: Luôn đề cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên của TDT.

CHIA SẺ: Chia sẻ lợi ích hài hòa với các đối tác, cổ đông và người lao động.

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2021/2020
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	<b>285,54</b>	<b>365,00</b>	<b>270,83</b>	<b>408,93</b>	<b>150%</b>
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	224,81	284,52	195,02	319,90	163%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	60,73	80,48	75,80	89,03	117%
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	32,98	44,07	53,39	61,32	115%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	22,06	30,77	16,92	19,66	116%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-5,69	-5,63	-5,48	-8,06	147%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0,49	0,77	1,35	1,61	119%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,55	31,5	18,27	21,28	116%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,63	26,1	15,71	18,82	118%
<b>Bảng cân đối kế toán</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	250,18	340,80	394,73	517,44	131%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	105,33	155,02	169,96	241,45	142%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	80,15	116,2	139,46	213,37	153%
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	20,67%	20,09%	9,67%	9,15%	
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	8,98%	8,85%	4,27%	4,13%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	2.574	3.263	1.261	1.275	
Cổ tức	%	15%	15%	10-15%	10-15%	

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT





## A. THÔNG TIN CHUNG

---

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	28
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	30
A7. Các rủi ro	34

## A1. THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT	Địa chỉ	Xã Diềm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN	4600941221	Số điện thoại	0208 656 7898
Vốn điều lệ	213.367.320.000 Đồng (tính đến 31/12/2021)	Số fax	0208 356 9898
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	241.451.196.405 Đồng (tính đến 31/12/2021)	Website	<a href="http://www.tdtgroup.vn">http://www.tdtgroup.vn</a>
Mã cổ phiếu	TDT	Slogan	Đoàn kết & Phát triển

## A1. THÔNG TIN CHUNG

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



## CÁC SỰ KIỆN, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2021

Chương trình gặp mặt, toạ đàm, ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa Đoàn thanh niên TDT và cán bộ đoàn chủ chốt của các xã, trường học, Huyện đoàn Phú Bình



Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã long trọng Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021



Ngày 22/03/2021 : Long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty



## A2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



### Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

TDT là một thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổ chức xã hội – nghề nghiệp được thành lập năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng của các tổ chức, cá nhân của mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, tiêu thụ, dịch vụ thuộc chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật dệt may Việt Nam.

Với hoạt động kinh doanh chủ yếu thuộc phân khúc gia công xuất khẩu, TDT hiện tập trung vào hai phương thức sản xuất chính là: CMT và FOB.

CMT - Cut, Make, Trim, là quy trình gia công bao gồm các công đoạn:

- Cut: Cắt vải từ cuộn vải theo rập thiết kế sẵn từ phía khách hàng.
- Make: May, khâu, vá lại với vải với nhau thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Trim: Cắt chỉ và làm sạch chỉ khỏi quần áo sau khi khâu. Thực hiện kiểm tra, hoàn thiện sản phẩm, đóng gói hàng thành phẩm theo yêu cầu.

FOB - Free On Board: DN sản xuất nhận đơn đặt hàng may mặc sử dụng nguồn nguyên liệu và tài sản của mình, từ nguồn hàng, máy móc, chi phí, nhân công, v.v. để hoàn thành đơn hàng được đặt may và đưa hàng ra ngoài cảng

Mảng kinh doanh FOB được đưa vào kinh doanh từ năm 2015. Theo đó, các đơn hàng được đưa đi gia công tại các nhà máy vệ tinh của TDT tại Thái Nguyên và các tỉnh khác.

Trong vòng 4 năm, giá trị của các đơn hàng FOB tăng khoảng 13 lần, từ 14,6 tỷ đồng năm 2015 lên 203 tỷ đồng năm 2019. Với giá trị gia tăng đem lại cho TDT và khách hàng cao, mảng FOB giúp doanh thu của TDT tăng trưởng từ 25-35% doanh thu và lợi nhuận.

Trong thời gian tới, TDT dự kiến tiếp tục tập trung các nguồn lực để phát triển mô hình FOB đem lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

### Địa bàn kinh doanh

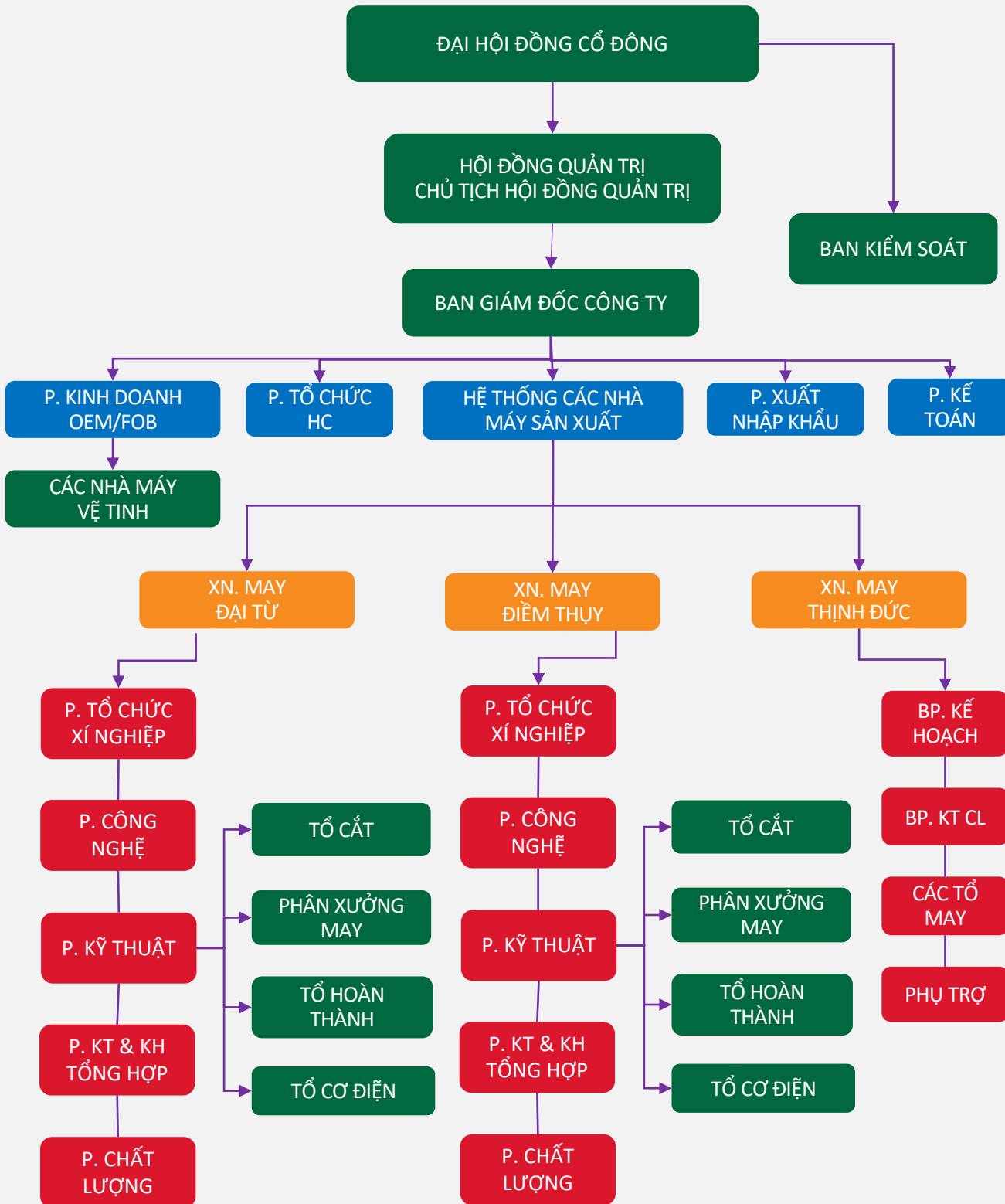
Sản phẩm của TDT được phân phối rộng rãi trên thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường quốc tế. Trong đó, Mỹ và EU là hai thị trường xuất khẩu truyền thống của TDT. Trong thời gian tới, Công ty có định hướng phát triển thị trường Nhật Bản, hiện đang là thị trường xuất khẩu hàng dệt may đứng thứ 3 của Việt Nam.

Hiện nay, TDT có ba nhà máy đang hoạt động TDT Đầm Thụy, TDT Thịnh Đức và TDT Đại Từ (TDT Đại Từ bắt đầu hoạt động từ Q4.2019)



### A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



#### Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nhiệm vụ sau: Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### Ban Tổng giám đốc

Bao gồm 01 Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

#### Ban kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### Phòng kinh doanh OEM/FOB

- Phát triển khách hàng OEM/FOB;
- Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý đơn hàng OEM/FOB. Từng bước nâng cao trình độ quản lý đơn hàng OEM/FOB ngày càng chuyên nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng giá trị ngành may;
- Nắm bắt xu hướng phát triển của ngành may trên bình diện quốc tế để có những chiến lược và bước phát triển phù hợp;
- Theo dõi sát sao sự chuyển dịch của ngành may theo thời gian để có những quyết định chính xác về khách hàng và ngành hàng phù hợp cho Công ty;
- Xây dựng kế hoạch khách hàng, doanh thu cho từng năm;
- Hỗ trợ Công ty trong công tác xúc tiến thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu Công ty;
- Quản lý toàn bộ các đơn hàng OEM/ FOB và các đơn hàng sản xuất tại nhà máy vệ tinh.

### Phòng Xuất nhập khẩu

- Tham mưu giúp Ban giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;
- Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo xuất nhập khẩu hàng hóa chính xác, nhanh, phục vụ kịp thời cho sản xuất;
- Quản lý chặt chẽ các chi phí xuất nhập khẩu, vận tải, tìm các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải có chất lượng và giá cả cạnh tranh;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### Phòng Tổ chức hành chính:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và nâng bậc lương, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch, thẩm tra và bổ sung lý lịch hàng năm, thống kê số lượng và chất lượng lao động; Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động; xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm việc tại khu vực trụ sở văn phòng Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về chính sách trả lương và đãi ngộ đối với người lao động; Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động cho người lao động;
- Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### Phòng Kế toán:

- Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật;
- Lập báo cáo hợp nhất từ các công ty con và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Ban lãnh đạo Công ty;
- Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### Hệ thống các xí nghiệp sản xuất:

#### Xí nghiệp May Diêm Thụy, Chi nhánh may TDT Đại Từ

- Phòng Kỹ thuật
  - Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận;
  - Đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng. Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất;
  - Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công; Tổ chức hợp với các bộ phận. Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
  - Phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, các phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Tổ cơ điện.
- Phòng Kế hoạch sản xuất
  - Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng; phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định; chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng;
  - Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất; hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ, các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt;
  - Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm.
- Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu
  - Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho ban điều hành công ty;

- Thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu đề xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới;
- Giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm.
- Phòng Công nghệ
  - Tham mưu cho ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất;
  - Theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong công ty. Nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới;
  - Quản lý các bộ phận trực thuộc: Kỹ thuật chuyên, Ke giá, Mẫu dấu.
- Phòng Quản lý chất lượng
  - Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty;
  - Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong quá trình sản xuất. Tổ chức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất;
  - Đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa; Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công;
  - Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ.

#### Xí nghiệp May Thịnh Đức

- Bộ phận Kế hoạch: xây dựng kế hoạch nhận đơn hàng để phân bổ đến từng bộ phận.
- Bộ phận Kiểm tra chất lượng: chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm của toàn bộ xí nghiệp.
- Các tổ may: vận hành các khâu may, lắp ráp sản phẩm.
- Phụ trợ: hỗ trợ các dây chuyền, tổ may trong các giai đoạn của sản phẩm.

## A4. BAN LÃNH ĐẠO

### Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



### DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần 2021
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	15,57%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	8,79%
3	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT	0,33%
4	Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT	2,33%
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	0,31%
6	Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0,00%
7	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	0,01%

## A4. BAN LÃNH ĐẠO

### Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

#### Ông CHU THUYỀN

Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh năm: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3.322.965 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 15,57%)

#### Quá trình công tác

- 2002 - 10/2014: Trưởng nhóm Vật tư – XNK - Phòng kế hoạch vật tư công ty May Thái nguyên

- 10/2004 - 08/2007: GD XN Vật tư vận tải - CTCP đầu tư và Thương mại TNG

- 08/2007 - 03/2011: GD TT thời trang TNG - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

- 03/2011: Cùng với các CĐ khác, ông Chu Thuyên sáng lập và giữ vai trò Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

- 11/ 2016 – nay: Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (thời kiêm nhiệm chức danh TGD đảm bảo đúng quy luật pháp luật hiện hành)

#### Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.874.500 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 8.79%)

#### Quá trình công tác

- 1995-12/2004: Trưởng đại diện hãng tàu OOCL tại Hà Nội tại Công ty Liên doanh vận tải biển Việt Pháp (Gematrans)

- 01/2005 - 03/2011: TVHQQT - Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- 03/2011 – 18/09/2020: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

- 18/09/2020-nay: Giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển TDT

## A4. BAN LÃNH ĐẠO

### Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



#### **Ông NGUYỄN VĂN BẰNG**

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Quốc tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 70.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,33%)

#### **Quá trình công tác**

- 2000-2002: Nhân viên Phòng Dự án tại Cienco 8
- 2002-2005: Nhân viên Phòng Dự án tại Tổng CT Điện tử và Tin học VN
- 2007-2011: Phó giám đốc Công ty TNHH may Minh Anh
- 2011-2016: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giấy An Hòa
- 2016-2017: Phó Tổng giám đốc tập đoàn Dabaco
- 2017-2019: Giám đốc chi nhánh CT TNHH Giấy Trường Xuân

#### **Ông PHẠM THÁI HÒA**

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 497.033 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 2,33%)

#### **Quá trình công tác**

- 10/2008 - 04/2010: Nhân viên Phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 05/2010- 02/2011: Phó Phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 03/2011- 06/2011: Trưởng phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 07/2011- 06/2014: Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
- 06/2014 - nay: TVHĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT

#### **Ông DƯƠNG NGỌC HẢI**

Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 66.020 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,31%)

#### **Quá trình công tác**

- 2006 – 10/2008: Cán Bộ tại Sở Khoa Học và Công Nghệ Thái Nguyên - Trung Tâm Thông Tin Công Nghệ
- 10/2008 - 07/2015: Chủ tịch HĐQT tại Công Ty TNHH Công Nghệ Thông Tin H3T
- 08/2015 - 08/2016: Chủ tịch HĐQT tại Công ty In Thái Nguyên
- 08/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần TPS Thái Nguyên
- 05/2018 - nay: Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

#### **Ông PHAN MẠNH HÀ**

Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0%)

#### **Quá trình công tác**

- 2002 – 12/2006: Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Tara
- 01/2006 - 12/2010: Trưởng nhóm giao dịch KH Cao cấp - CTCP Chứng Khoán Kim Long
- 01/2011 - 08/2014: Giám đốc môi giới - CTCP Chứng Khoán Navibank
- 09/2014 – nay: Giám đốc kinh doanh - CTCP Chứng khoán VNDirect
- 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Đầu tư và Phát triển TDT



## Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

### Ông ĐỖ MẠNH HÙNG

Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.794 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,01%)

#### Quá trình công tác

- 2007-2011: Phó Trưởng đoàn – Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên
- 2011-2016: Phó Chủ nhiệm - Ủy ban các vấn đề Xã hội Quốc hội Việt Nam
- 2016-2018: Phó Chủ nhiệm – Văn phòng quốc hội Việt Nam
- 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

## A4. BAN LÃNH ĐẠO

### Ban kiểm soát

### Bà LÊ THỊ HỒNG THẮM

Trưởng ban kiểm soát

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 44.833 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,21%)

#### Quá trình công tác

- 09/1993 – 04/2006: Kế toán – Công ty cổ phần Xây dựng số 02 Thái Nguyên
- 05/2005- 09/2010: Kế toán – Trường trung cấp nghề số 01 Thái Nguyên
- 10/2010 – 04/2011: Phó phòng kế toán tài vụ - Trường trung cấp nghề Thái Nguyên
- 05/2011-03/2020: Trưởng phòng kế toán – Trường trung cấp nghề Thái Nguyên
- 01/05/2012- 03/2020: Kế toán trưởng – Trường trung cấp nghề Thái nguyên

- 03/2020 – 26/04/2020: Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT, Kế toán trưởng – Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên.
- 26/04/2020 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT, Kế toán trưởng – Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên



## A4. BAN LÃNH ĐẠO

### Ban kiểm soát

#### **Ông ĐỖ NGỌC TUYẾN**

**Thành viên ban kiểm soát**

**Sinh năm:** 1980

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản lý nhân lực

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 64.250 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,3%)

#### **Quá trình công tác**

- 06/2010 - 08/2010: Trưởng phòng Tổ chức chi nhánh TNG 4 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- 09/2010 - 12/2010: Phó Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- 01/2011 - 04/2011: Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- 05/2011 - nay: Thành viên BKS - Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

#### **Bà NGUYỄN THỊ KIM THÀNH**

**Thành viên ban kiểm soát**

**Sinh năm:** 1991

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 10.473 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,05%)

#### **Quá trình công tác**

- 01/2014 – 05/2017: Nhân viên phòng Kinh doanh – XNK – Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển TDT

- 05/2017- 04/2020 : Nhân viên phòng kế toán kế hoạch tổng hợp – Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT

- 26/04/2020 - nay : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển TDT

## A5. PHÂN TÍCH SWOT

# S

**Tầm nhìn định hướng phát triển rõ ràng.** Việc tập trung và chuyển dịch mô hình phát triển mảng kinh doanh FOB giúp TDT đi đúng và kịp với xu hướng phát triển của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, giúp đem lại nhiều hơn giá trị gia tăng cho cả TDT và đối tác.

**Nhà máy TDT Đại Từ bước vào giai đoạn ổn định** Sau hơn 2 năm đi vào hoạt động ổn định, TDT Đại Từ tiếp tục mở rộng quy mô khách hàng, đơn hàng lớn góp phần nâng cao năng lực sản xuất và sản lượng của TDT

**Lợi thế cạnh tranh nhờ vị trí địa lý** khi đặt nhà máy tại nhưng tỉnh thành được coi là vùng có nhiều lao động giá rẻ nhưng lại có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực may mặc.

**Hệ thống quản trị được xây dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp**, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị cao nhất được áp dụng xuyên suốt từ các bộ phận chức năng của các công ty thành viên đến Tập đoàn. Ban lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm, quản trị trong các doanh nghiệp dệt may lớn tại Việt Nam.

Các nhà máy trong tập đoàn tiếp tục triển khai các gói nâng cấp máy móc, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu đáp ứng các đơn hàng có số lượng lớn và đòi hỏi chất lượng cao

# W

**Quy mô và vốn đầu tư.** Mặc dù được ban lãnh đạo luôn chú trọng và tập trung phát triển, nhưng quy mô sản xuất và vốn đầu tư của TDT còn khá khiêm tốn và hạn chế so với các doanh nghiệp dệt may khác trên thị trường.

**Thương hiệu.** Dệt may là ngành kinh tế truyền thống và lâu đời của Việt Nam, với thương hiệu TDT còn non trẻ so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực dệt may, gây nhiều khó khăn cho TDT trong việc tiếp cận các đối tác mới và lớn trên thế giới.

# O

**Nền kinh tế phục hồi sau khi dịch bệnh kết thúc.** Trong năm 2022, với kỳ vọng cuộc sống trở lại bình thường (do các quốc gia đã có kinh nghiệm đối phó với dịch bệnh và việc tiêm vắc – xin đang được triển khai nhanh chóng), nhu cầu mua sắm của người dân sau một năm bị kìm nén sẽ tăng trưởng trở lại. Điều này giúp các hãng thời trang lạc quan hơn về triển vọng kinh doanh, từ đó tác động tích cực đến các đơn hàng may truyền thống tại các nhà máy may tại Việt Nam.

**Hàng loạt các hiệp định thương mại đã và sẽ được thông qua.** Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đã được thông qua và triển khai năm 2019, trong đó có những ưu đãi cụ thể cho ngành dệt may; hiệp định EVFTA đã được EU phê chuẩn đầu năm 2020 đem đến cho TDT những cơ hội được tiếp cận với các thị trường mới tiềm năng mà không gặp phải các rào cản thương mại từ chính phủ các nước đó do đã cam kết trong các hiệp định thương mại.

**Chính sách “Không Covid” (Zero Covid) của Chính phủ Trung Quốc** khiến cho hoạt động giao thương giữa Trung Quốc và các nước bên ngoài tiếp tục bị hạn chế thực tế này sẽ dẫn đến sự dịch chuyển nhất định của 1 số lượng khá lớn các đơn hàng truyền thống và giá rẻ từ Trung Quốc sang Việt Nam sau khi đã chính thức mở cửa hoàn toàn từ 15/03/2022.

# T

**Diễn biến dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động xuất nhập khẩu.** Mặc dù các quốc gia đang nhanh chóng triển khai việc tiêm vắc – xin phòng chống dịch Covid – 19, tình hình dịch vẫn có thể diễn biến phức tạp. Điều này có thể kể đến một số quốc gia Châu Âu đã phải cách li xã hội lần thứ 3 do các ca nhiễm tăng trở lại. Dịch bệnh nếu tiếp diễn có thể ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi của ngành Dệt may trong năm 2021.

**Nguồn cung nguyên liệu.** Sự phát triển không tương xứng của ngành dệt so với nguồn cung nguyên liệu của các doanh nghiệp dệt may phải phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và khó kiểm soát chặt chẽ chất lượng của các nguồn cung này

**Xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước.** Trong những năm trở lại đây, các thị trường phát triển như Mỹ, châu Âu đang có xu hướng siết chặt quy định bằng các rào cản thuế quan thương mại nhằm bảo hộ nền sản xuất trong nước. Điều này đặt ra thách thức giảm giá vốn và nâng cao chất lượng sản phẩm với các doanh nghiệp dệt may nói chung và TDT nói riêng.

**Cạnh tranh với các nước xuất khẩu khác.** Việt Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thiện để duy trì cạnh tranh với các nước xuất khẩu như: Bangladesh, Sri Lanka, Myanmar và Campuchia, v.v.

## A6. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH



Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT nhận thức được tầm quan trọng của tinh thần hợp tác để cùng phát triển và đặt ra mục tiêu đưa TDT không chỉ là đối tác mà còn trở thành người bạn song hành, gắn bó cùng với khách hàng, nhà đầu tư và người lao động. TDT trao gửi niềm tin, uy tín và chất lượng tới nhà đầu tư. Từng bước xây dựng nền móng, góp phần đưa ngành dệt may bay cao, bay xa và xây dựng nền tảng vững chắc cho các thế hệ tương lai.

TDT hướng đến đích đến trở thành một thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường dệt may quốc tế bằng nền móng của sự đoàn kết để cùng phát triển. Đối với TDT, chất lượng chính là thương hiệu, uy tín là tài sản, sự hài lòng của khách hàng là lợi nhuận, là kim chỉ nam cho định hướng phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Công ty đặt quyết tâm trở thành thương hiệu lớn và uy tín trên thị trường dệt may Việt Nam và quốc tế.



## A7. CÁC RỦI RO

### RỦI RO CHIẾN LƯỢC & TÀI CHÍNH



#### Rủi ro nguyên vật liệu

Thị trường dệt may Việt Nam vốn phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu từ nước ngoài do sự phát triển không đồng đều giữa may mặc với ngành dệt. Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu và chủ yếu may gia công - đó là thách thức lớn nhất đối với ngành dệt may khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Để giảm thiểu và giải quyết được rủi ro nguyên vật liệu, các DN trong nước cần kết nối với nhau, đặc biệt DN nhỏ và vừa nên tìm kiếm, ký hợp đồng với các DN lớn để có thể chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm từ DN lớn. Điều này là rất cần thiết khi tham gia sân chơi toàn cầu.

#### Rủi ro về sức ép cạnh tranh

Đối với TDT, sức ép cạnh tranh không chỉ đến từ các thị trường mới nổi mà còn đến từ các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực sản xuất may mặc trong nước.

Là một thương hiệu nhỏ trong ngành dệt may, TDT chịu rất nhiều sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, Việt Nam lại đối mặt với những khó khăn nhất là ở khâu đơn giá, vì hiện nhiều khu vực thị trường đang có xu hướng giảm sẽ tác động đến dệt may Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thị trường dệt may thế giới được dự báo sẽ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, không chỉ Trung Quốc mà nhiều nước khác như Myanmar, Campuchia...

làm gia tăng áp lực lên thị phần với Việt Nam tại những khu vực lớn.

Để giảm thiểu rủi ro này, TDT đang và sẽ tập trung phát triển mô hình FOB, giúp định hình chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường may mặc Việt Nam và thế giới.

#### Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2021, mặc dù nền kinh tế thế giới có nhiều biến động mạnh, tỷ giá đồng USD/VND khá ổn định khi đồng Việt Nam vẫn được neo với đồng USD. Tuy nhiên, với hơn 90% doanh thu là xuất khẩu cùng với phần lớn nguyên vật liệu nhập khẩu từ Trung Quốc nên hoạt động kinh doanh TDT chịu ảnh hưởng lớn bởi việc biến động của tỷ giá.

## A7. CÁC RỦI RO

### Rủi ro quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm với khách hàng

Theo đánh giá của chúng tôi, rủi ro quản trị của TDT là không lớn do tầm nhìn và kinh nghiệm của hội đồng quản trị, ban giám đốc trong quản lý doanh nghiệp và lĩnh vực dệt may, gia công xuất khẩu.

Việc xâm nhập vào các thị trường xuất khẩu chính như EU và Mỹ của các sản phẩm dệt may vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại đang có xu hướng được các quốc gia nhập khẩu áp dụng một cách chặt chẽ hơn. Đặc biệt, các bất ổn địa chính trị, chiến tranh thương mại sẽ khiến các xu hướng bảo hộ sản xuất này diễn ra trong thời gian dài. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, TDT cần tiếp tục hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và quy trình sản xuất nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thương hiệu của TDT trên thị trường.

### Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán công ty không chỉ chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh mà còn chịu ảnh hưởng bởi những biến động chung của thị trường, cung cầu tài sản tài chính, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan nhà nước có liên quan. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty cần thực hiện tốt các nghĩa vụ về minh bạch thông tin, quan hệ nhà đầu tư và các quy định có liên quan.

### Rủi ro an toàn sức khỏe

Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và những ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình làm việc là vấn đề nghiêm trọng đối với mọi doanh nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống người lao động. Tuy nhiên đây là vấn đề mà mỗi công ty cần đối mặt để cải tiến. Trong một số nhà máy sản xuất và vị trí làm việc, nguy cơ xảy ra và tác động là cao hơn hẳn và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Để tăng cường các giải pháp hạn chế rủi ro, TDT đã trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, bảo hộ lao động, chế độ kiểm định đầy đủ và an toàn. Thường xuyên tổ chức đào tạo, diễn tập các tình huống khẩn cấp cho người lao động. Ban hành các nội quy, chế độ giám sát và chế tài xử lý để thúc đẩy việc tuân thủ toàn diện.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG



## **B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2021**

---

B1. Thông tin ngành	38
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	38
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	39
B4. Tổ chức và nhân sự	42
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	43
B6. Tình hình tài chính	44
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	46

## B1. THÔNG TIN NGÀNH

Trong năm 2021, tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 336,31 tỷ USD, tăng trưởng 19% so với năm 2020. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid – 19. Đặc biệt, sản xuất trong nước bị gián đoạn trong suốt quý 3 do thực hiện các Chỉ thị giãn cách. Kết quả trên được coi là một điểm sáng. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất Việt Nam. Đáng chú ý, hàng dệt may tiếp tục là một trong những mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao, với kim ngạch năm 2021 đạt 39 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm 2020. Năm 2021 ngành dệt may khởi sắc khi các thị trường xuất khẩu chính dần mở cửa. Tuy nhiên, ngành dệt may trong nước cũng gặp những khó khăn khi chi phí vận tải tăng mạnh, bất lợi về tỷ giá khiến hàng dệt may của Việt Nam giảm

sức cạnh tranh so với các đối thủ. Ngoài ra, nhiều đối thủ của dệt may Việt Nam như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ... cũng tăng tốc và nỗ lực để bù đắp những thiếu hụt về kim ngạch trong năm 2021.

Trong năm 2022, Hiệp hội Dệt may cho rằng kim ngạch xuất khẩu của ngành Dệt may 42-43,5 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2021. Đồng thời, các yếu tố hỗ trợ của ngành Dệt may Việt Nam tiếp tục được duy trì: lợi thế cạnh tranh về chi phí nhân công và ưu đãi đầu tư của Chính phủ đối với ngành; Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA), trong đó dệt may được đánh giá là một trong số những ngành hưởng lợi nhiều nhất.

## B2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	TH năm 2021	Thực hiện/ Kế hoạch (%)
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	475,57	409,07	86%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41,50	21,28	51%

Năm 2021 đại dịch covid 19 bùng phát đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của TDT. Số lượng đơn hàng giảm về quy mô và số lượng. Việc đồng bộ nguyên phụ liệu gặp rất nhiều khó khăn trong công tác sản xuất các nhà máy. Bên cạnh đó chi phí Logistic, cước vận chuyển liên tục tăng cao, sự cạnh tranh về lao động ngày càng gay gắt, đã làm tăng thêm chi phí của doanh nghiệp.

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 21,28 tỷ đồng, hoàn thành 51,3% kế hoạch đề ra. Các đơn hàng của TDT vẫn tập trung tham gia vào công đoạn sản xuất, chủ yếu các đơn hàng theo phương thức CMT và FOB. Trong năm 2021, giá trị đơn hàng theo phương thức CMT và FOB tăng lần lượt 86% và 5%. Điều này khiến cho tỷ trọng đơn hàng theo hình thức CMT tăng lên, chiếm 9% tổng doanh thu năm 2021 của công ty.

Trong dài hạn, định hướng của công ty vẫn sẽ tăng tỷ trọng các đơn hàng theo phương thức FOB. Đối với các đơn hàng CMT, thông thường đơn giá gia công CMT là 25% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp gia công chỉ đạt 1-3% đơn giá gia công.

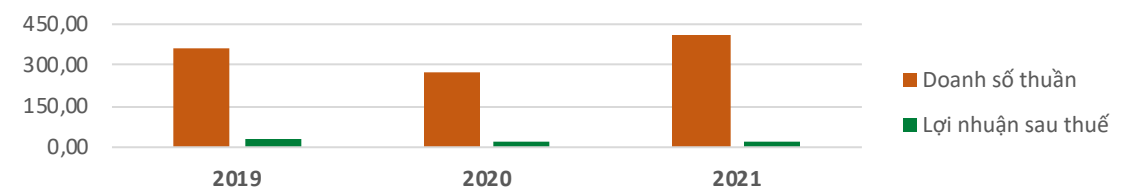
Đối với đơn hàng FOB, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm nhập khẩu nguyên vật liệu và sản xuất đơn hàng, doanh nghiệp được hưởng khoảng 30% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 3 - 5% doanh thu thuần. Do đó, việc tăng các đơn hàng FOB sẽ giúp tăng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Ngoài ra, với cũng như các doanh nghiệp trong ngành may mặc, chi phí chủ yếu của TDT tập trung vào giá vốn hàng bán và chi phí lao động.

## B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

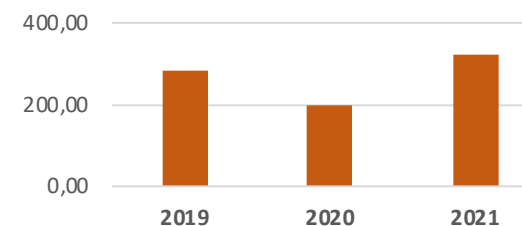
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	365,00	270,83	408,93
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	284,52	195,02	319,90
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	44,08	53,40	61,31
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31,54	18,28	21,28
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,15	15,71	18,82

Cùng với xu hướng phục hồi của ngành dệt may, công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2021. Doanh thu của công ty đạt 409,07 tỷ đồng, tăng 150.33% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 18.82 tỷ đồng, tăng 19.76% so với năm 2020. Trong năm 2021, chi phí giá vốn tăng cao hơn mức tăng của doanh thu khiến biên lợi nhuận gộp giảm. Năm 2022 được kỳ vọng việc xuất khẩu dệt may sẽ tiếp tục phục hồi và mở rộng khi các thị trường xuất khẩu chính đã quay trở lại cuộc sống bình thường, nhu cầu mua sắm của người dân sau một năm bị kìm nén sẽ tăng trưởng trở lại. Đồng thời, công ty thể tăng trưởng nhờ các dự án mở rộng đã sẽ hoàn thành trong năm nay.

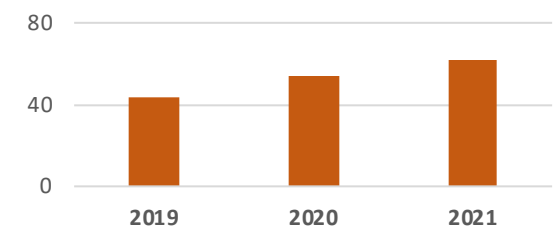
Doanh thu và LNST 2019-2021



Giá vốn hàng bán



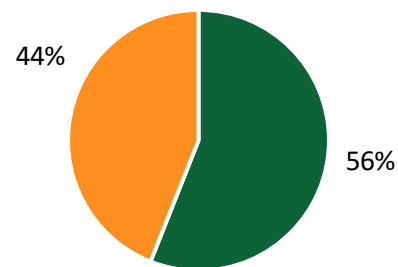
Chi phí hoạt động



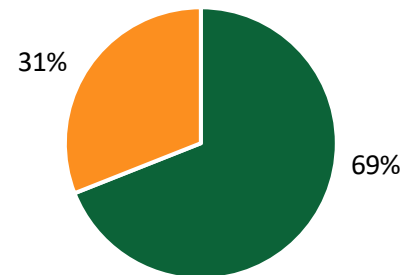
### B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2021	Tỷ trọng	2021/2020
Doanh thu thuần từ hoạt động gia công	Tỷ VNĐ	162,76	44%	151,67	56%	282,75	69%	186,42%
Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	Tỷ VNĐ	203,36	56%	120,42	44%	126,32	31%	104,90%
<b>Tổng</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>366,13</b>	<b>100%</b>	<b>272,09</b>	<b>100%</b>	<b>409,07</b>	<b>100%</b>	<b>150,34%</b>

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động năm 2020



Cơ cấu doanh thu theo hoạt động năm 2021

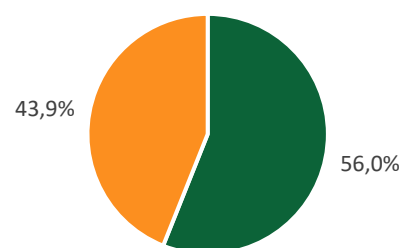


■ Hoạt động gia công ■ Hoạt động sản xuất nguyên chiếc

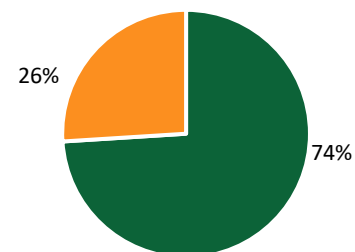
■ Hoạt động gia công ■ Hoạt động sản xuất nguyên chiếc

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	Tỷ trọng	TH 2020	Tỷ trọng	TH 2021	Tỷ trọng	2021/2020
Lãi gộp hoạt động gia công (CMT)	Tỷ VNĐ	45,1	56%	42,35	56%	65,44	74%	154,52%
Lãi gộp hoạt động sản xuất sản phẩm nguyên chiếc (FOB)	Tỷ VNĐ	35,37	44%	33,45	44%	23,59	26%	70,52%
<b>Tổng</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>80,48</b>	<b>100%</b>	<b>75,81</b>	<b>100%</b>	<b>89,03</b>	<b>100%</b>	<b>117,44%</b>

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2020



Cơ cấu lợi nhuận gộp 2021



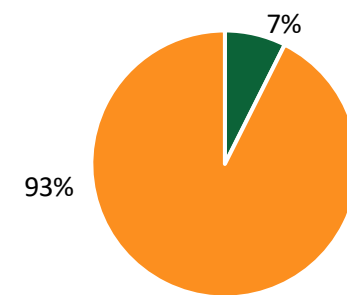
■ Hoạt động gia công ■ Sản xuất thành phẩm nguyên chiếc

■ Hoạt động gia công ■ Hoạt động sản xuất nguyên chiếc

### B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

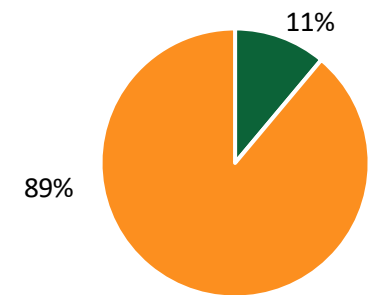
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2021	Tỷ trọng	2021/2020
Doanh thu từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	12,48	3%	19,98	7%	45,37	11%	227,19%
Doanh thu từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	353,65	97%	252,12	93%	363,7	89%	144,26%
<b>Tổng</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>366,13</b>	<b>100%</b>	<b>272,09</b>	<b>100%</b>	<b>409,07</b>	<b>100%</b>	<b>151,05%</b>

Cơ cấu doanh thu theo thị trường năm 2020



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

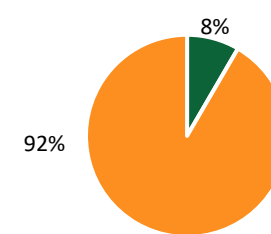
Cơ cấu doanh thu theo thị trường năm 2021



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

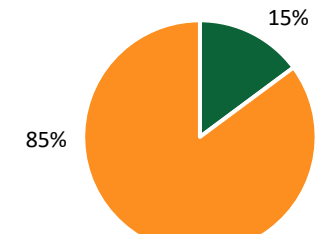
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2021	Tỷ trọng	2021/2020
Lãi gộp từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	2,38	3%	6,46	8%	13,23	15%	204,80%
Lãi gộp từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	78,1	97%	69,36	92%	75,8	85%	109,28%
<b>Tổng</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>80,48</b>	<b>100%</b>	<b>75,81</b>	<b>100%</b>	<b>89,03</b>	<b>100%</b>	<b>117,44%</b>

Cơ cấu lợi nhuận theo thị trường năm 2020



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

Cơ cấu lợi nhuận theo thị trường năm 2021



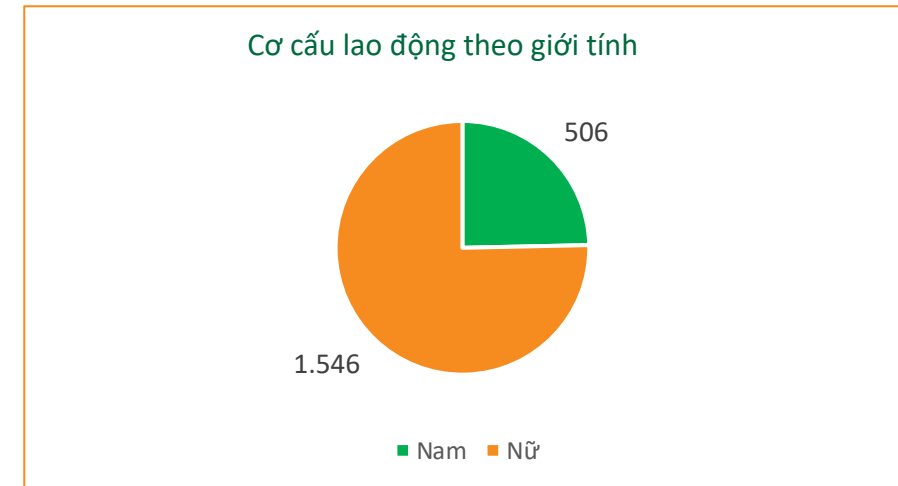
■ Nội địa ■ Xuất khẩu

## B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Thống kê lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng 2020 (người)	Số lượng 2021 (người)	Tỷ trọng 2021
<b>I Theo trình độ lao động</b>				
1	Cao đẳng và Đại học	68	74	8,82%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	122	134	9,84%
3	Sơ cấp nghề	1.538	1.668	8,45%
4	Lao động phổ thông	130	176	35,38%
<b>II Theo đối tượng lao động</b>				
1	Khối trực tiếp	1.363	1.494	9,61%
2	Khối gián tiếp và phụ trợ	495	558	12,73%
<b>III Theo giới tính</b>				
1	Nam	376	506	34,57%
2	Nữ	1.482	1.546	4,32%
<b>IV Theo độ tuổi</b>				
1	Dưới 25	651	257	-60,52%
2	Từ 31 đến 40	963	1230	27,73%
3	Trên 40 tuổi	244	565	131,56%
<b>V Theo thời gian làm việc tại công ty</b>				
1	Dưới 1 năm	153	390	154,90%
2	Từ 1 đến 3 năm	1.613	1.585	-1,74%
3	Không xác định thời hạn	92	77	-16,30%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.858</b>	<b>2.052</b>	

## B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### Một số thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thưởng tiền lương tháng thứ 13. Thưởng thâm niên công tác và thưởng Tết Nguyên đán.
- Người lao động được tuyển dụng tại Công ty được tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, Y tế, thất nghiệp đầy đủ theo quy định của nhà nước và được bảo lưu mức đóng Bảo hiểm theo bậc thợ của từng cá nhân nếu đã tham gia đóng BHXH từ trước.
- Được hưởng các khoản phúc lợi khác theo quy định như: Tham quan học tập....

## B5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Các khoản đầu tư lớn trong năm  
Mở rộng xây dựng nhà kho thành phẩm 9.000 m2 – Chi nhánh may TDT Đại Từ
- Các công ty con, công ty liên kết  
(Không có)



## B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	2021/2020
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	394,73	517,44	131,09%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	270,83	408,93	150,99%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	16,92	19,66	116,19%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1,35	1,62	120,00%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,27	21,28	116,48%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,71	18,82	119,80%

Năm 2021, các chỉ tiêu tài chính đều ghi nhận tăng so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó một số chỉ tiêu đáng chú ý là: Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 21 tỷ đồng, bằng 116,48% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt gần 19,66 tỷ đồng, bằng 116,19% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận khác đạt gần 1,62 tỷ đồng, bằng 120,00% so với cùng kỳ năm 2020.

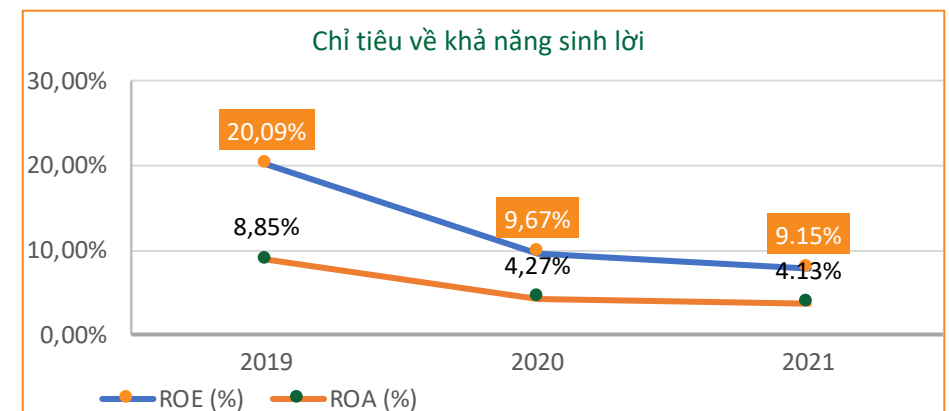
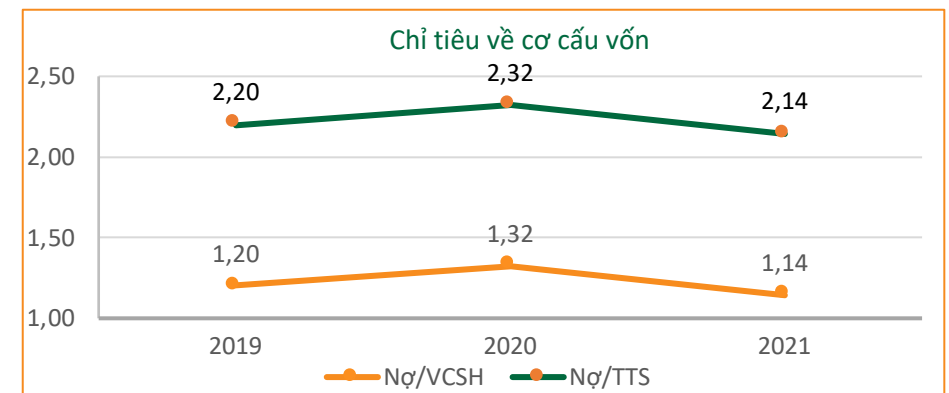
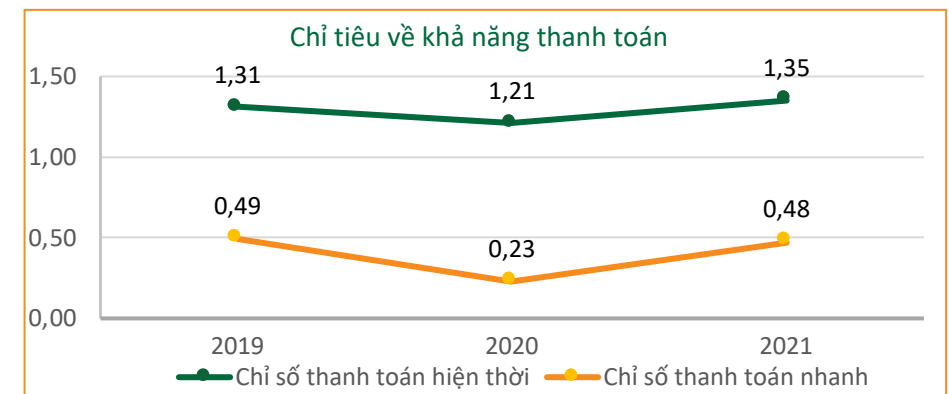
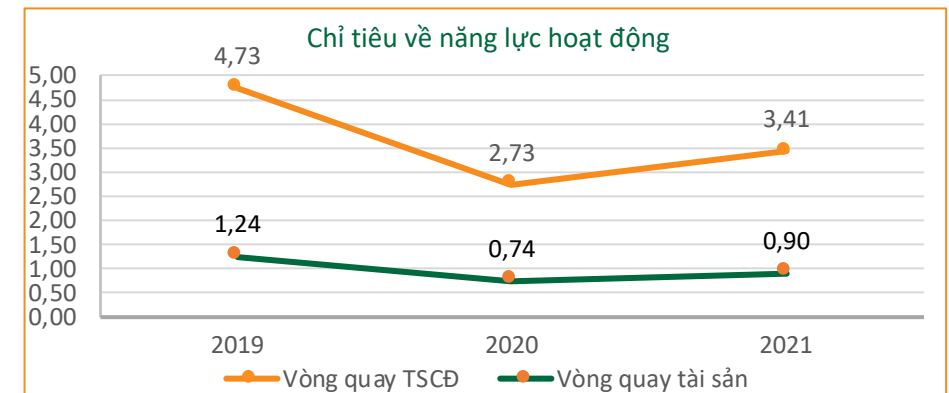
Nhìn chung, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là nguồn thu chính, chiếm gần như toàn bộ lợi nhuận của Công ty. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng kinh doanh là tập trung toàn bộ nguồn lực để phát triển ngành nghề kinh doanh chính, sản xuất và kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận tăng cao trong năm 2021 là:

- Công ty đã tập trung vào công tác đôn hàng, tìm kiếm những đơn hàng giá tốt, số lượng sản phẩm lớn, sản phẩm phù hợp với thể mạnh của TDT.
- Mặt khác, Công ty cũng tiết giảm chi phí trong sản xuất bằng các biện pháp áp dụng máy móc công nghệ sản xuất hiện đại dẫn đến tăng năng suất lao động so với cùng kỳ năm trước, giảm giá vốn.
- Tăng được năng lực sản xuất tại các nhà máy vệ tinh dẫn đến tăng lợi nhuận.

Các chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2021/2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,21	1,35	11,57%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,25	0,50	200,00%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,57	0,53	-7,02%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,32	1,14	-13,64%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	1,32	1,7	28,79%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,74	0,9	21,62%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,80%	4,60%	-20,69%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	9,67%	9,15%	-5,38%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	4,27%	4,13%	-3,28%

## B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



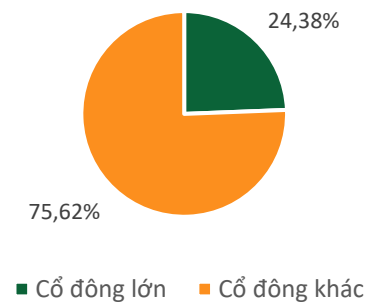
## B7. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Cổ đông

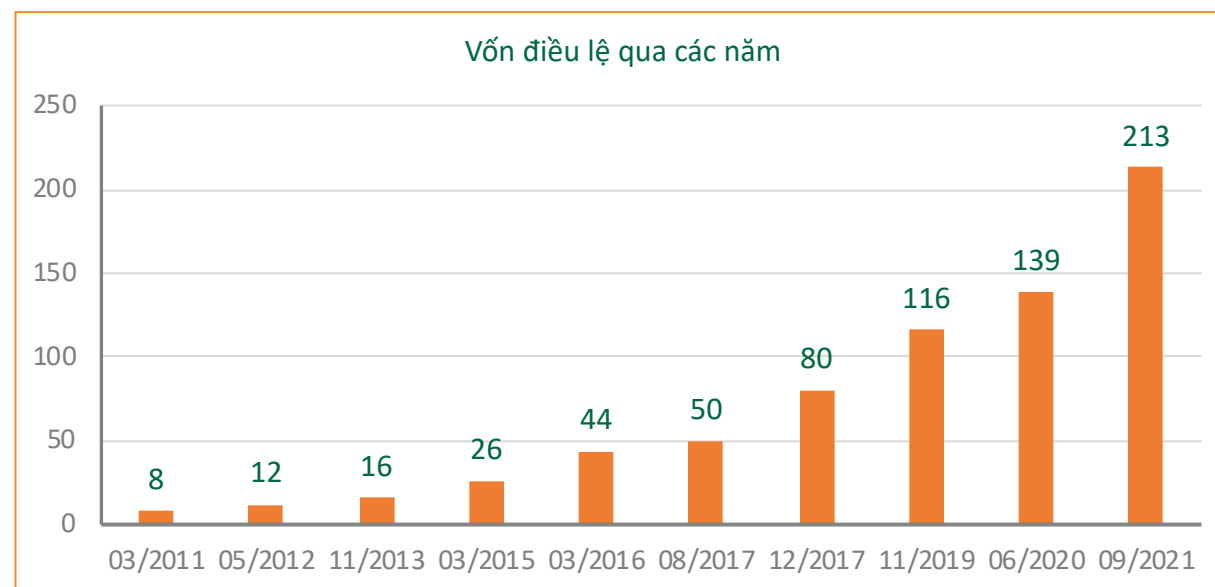
Tính đến hết ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TĐT đã phát hành 7.390.588 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông: 21.336.732
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 21.336.732
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

### Cơ cấu cổ đông



### Quá trình tăng vốn điều lệ



### Cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Chu Thuyền	3.332.965	15,57%
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	1.874.500	8,79%
	Tổng cộng	5.197.465	24,36%

## B7. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### 1 Năm; Giá và Khối lượng







## **C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	50
C2. Tình hình tài chính	52
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	54

## C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Danh sách của Ban giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc	1.874.500	8,79
2	Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	70.000	0,33

### Đánh giá chung hoạt động sản xuất kinh doanh



Bám sát chiến lược phát triển mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đề ra, trong năm 2021, trước ảnh hưởng lớn dưới tác động của dịch Covid-19, đặc biệt trong các tháng quý 3 thực hiện các chỉ thị giãn cách xã hội khiến công tác sản xuất bị gián đoạn, Ban Giám đốc nỗ lực hết mình giúp công ty vượt qua khó khăn chung cũng như nắm bắt cơ hội phục hồi của ngành dệt may để đưa công ty phục hồi sau đại dịch. Cụ thể tình hình thực hiện kế hoạch năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	TH 2021	KH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	270,83	408,93	475,57	151,0%	86,0%
LNTT	Tỷ đồng	18,3	21,28	41,50	116,4%	51,3%
LNST	Tỷ đồng	15,71	18,82		119,8%	
ROE	%	9,67%	9,15%			

## C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam phục hồi về thời điểm trước dịch với tổng giá trị đạt 39 tỷ USD (+11,2% so với cùng kỳ và +0,3% so với năm 2019). Đây là kết quả tích cực mặc dù có sự gián đoạn kéo dài do chính sách giãn cách xã hội trong Q3/2021.

Sau gần hai năm gián đoạn, ngành dệt may toàn cầu đã bắt đầu tìm lại được vị thế, được thúc đẩy bởi sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại điện tử. Ngành dệt may kỳ vọng được hưởng một số lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP, chiến tranh thương mại Mỹ Trung.

### Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2021, ngành dệt may Việt Nam năm nay đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, áp lực chi phí nguyên liệu lạm phát, giá cước vận chuyển tăng và tình trạng thiếu lao động sau thời gian giãn cách xã hội.

Doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh với các nước như: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh... và nhiều nước tập trung hỗ trợ ngành dệt may. Đáng chú ý, có cả những quốc gia mới nổi ở khu vực châu Phi khiến số lượng nhà sản xuất tăng mạnh, đơn hàng bị san sẻ và chuyển dịch sang nước khác.

Giá sợi toàn cầu đã bắt đầu cao hơn năm 2019 kể từ cuối tháng 2 và đạt đỉnh vào Q3/2021 khi giá sợi polyester và bông tăng khoảng 30% -50% so với cùng kỳ, do giá bông và dầu tăng vọt. Điều này là do nhu cầu về sợi tăng nhanh, khi nguồn cung sợi của Trung Quốc dần cạn kiệt. Mặt khác, lệnh cấm của Mỹ đối với bông có xuất xứ từ vùng Tân Cương cũng gây ra sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng và đẩy giá bông lên cao hơn. Các tỉnh thành phố lớn phải chịu giãn cách trong suốt quý 3 khiến hoạt động sản xuất ngưng trệ, chi phí tăng cao. Tuy nhiên một số công ty phía Bắc không bị ảnh hưởng và vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực.

Trong khi Việt Nam giảm tốc, các đối thủ cạnh tranh lại tăng trưởng tốt hơn như Trung Quốc (+12% so với cùng kỳ), Ấn Độ (+52% so với cùng kỳ) và Bangladesh (+13% so với cùng kỳ).

Về phía TDT, năm 2021, công ty đối mặt với một số khó khăn như: đơn hàng sụt giảm vì Covid – 19, xuất nhập khẩu vận tải, bảo hiểm xã hội trong khi vẫn phải đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Thêm nữa, số lượng mỗi đơn hàng nhỏ đi, khách hàng không đặt hàng dài hạn 3 - 6 tháng như trước và tình hình trở nên khó đoán hơn trước.

## C2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	176,57	201,55	220,14	321,53
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	73,61	139,28	174,59	195,91
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	250,18	340,83	394,73	517,44
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	%	70,58%	59,14%	55,77%	62,14%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	%	29,42%	40,86%	44,23%	37,86%
Tốc độ tăng tài sản	%	19,60%	36,23%	15,80%	31,09%

Tại 31/12/2021, quy mô tổng tài sản của công ty đạt 517,44 tỷ đồng, tăng 31,09% so với năm 2020. Trong giai đoạn 2018-2021, tổng tài sản của công ty liên tục tăng qua các năm với tốc độ trung bình 27,41%/năm, do công ty đang trong giai đoạn mở rộng năng lực sản xuất qua việc xây dựng các nhà máy mới, nâng cấp các dây chuyền máy móc đồng thời tích cực tăng doanh thu hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển khách hàng mới. Do việc sản xuất kinh doanh diễn biến thuận lợi trong năm 2021, công ty nắm giữ lượng tiền mặt cao nhất trong 5 năm trở lại đây, tăng dự trữ hàng tồn kho và khoản phải thu cũng tăng theo. Điều này dẫn đến tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng so với đầu năm 2021. Năm 2021, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 55,77% tổng tài sản, sang 2021 chiếm 62,14%. Nguyên nhân của hiện tượng này là do tính chất mùa vụ của các đơn hàng may mặc xuất khẩu, tập trung sản xuất vào những quý cuối năm; lượng hàng tồn kho lớn do công ty chưa tiến hành bàn giao với khách hàng. Khách hàng của công ty phần lớn đều là những khách hàng lớn, có quan hệ hợp tác lâu dài nên công ty không gặp vấn đề rủi ro phát sinh các khoản nợ khó thu hồi.

Tài sản ngắn hạn	Đơn vị	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2021	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ VNĐ	41,15	20,42%	8,75	3,97%	57,47	17,87%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ VNĐ	34,54	17,14%	32,74	14,87%	55,71	17,33%
Hàng tồn kho	Tỷ VNĐ	120,96	60,01%	174,11	79,09%	201,74	62,74%
Các Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ VNĐ	4,94	2,45%	4,59	2,09%	6,65	2,07%
Tổng	Tỷ VNĐ	201,55	100,00%	220,14	100,00%	321,53	100,00%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021
Nợ phải trả	Tỷ VNĐ	144,85	185,81	224,78	275,99
Nguồn vốn Chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	105,33	155,02	169,96	241,45
Tổng Nguồn vốn	Tỷ VNĐ	250,18	340,83	394,73	517,44
Tỷ trọng Nợ phải trả	%	57,90%	54,52%	56,95%	53,34%
Tỷ trọng Nguồn vốn CSH	%	42,10%	45,48%	43,05%	46,66%
Tốc độ tăng VCSH	%	11,68%	47,18%	9,64%	42,06%

Trong giai đoạn 2017-2021 công ty đã trải qua nhiều đợt tăng vốn điều lệ. Vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2021 đạt 241,45 tỷ đồng, gấp hơn 2,5 lần so với năm 2017. Do vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nợ vay, nên cơ cấu vốn có sự thay đổi. Hiện tại, nợ vay của công ty vẫn thấp hơn vốn chủ sở hữu. Việc tăng cường sử dụng vốn chủ sở hữu thay vì vốn vay là một trong những chủ trương đứng đắn của Ban lãnh đạo công ty trước tình hình thị trường tài chính đang có những biến động mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Dùng nhiều vốn tự chủ trong giai đoạn này sẽ giúp tăng tăng khả năng thanh toán và tỷ lệ an toàn tài chính của công ty. Đồng thời, hoạt động của công ty sẽ giảm bớt sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài.

### C3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG TƯƠNG LAI



Trong giai đoạn 05 năm tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục tập trung và phát triển mảng hoạt động chính mà mình có thế mạnh là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, trong đó cụ thể:

- Tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh.
- Nâng cao trình độ thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên phụ liệu, kỹ năng đàm phán.
- Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động.
- Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng FOB có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Tích cực tìm kiếm khách hàng tại các thị trường thuộc khuôn khổ các hiệp định tự do thương mại mà Việt Nam là thành viên như CPTPP, EVFTA.

- Mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong cả nước và thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ/EU/Nhật Bản nhằm đẩy mạnh công tác sales/marketing, tiếp cận và làm việc trực tiếp với các khách hàng bán lẻ tại các thị trường này nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận.

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao (từ CMT sang FOB và tiến tới là ODM, OBM). Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với TDT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình chuyển đổi. Ở TDT hiện đã hội tụ đầy đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động

tay nghề cao), máy móc công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại chuẩn bị có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (có hiệu lực từ năm 2018) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch 05 năm đã được đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của TDT là vô cùng tích cực.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2021	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	551,56	409,07	135%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	44,10	21,28	207%
Cổ tức (%)	10-15%	15%	

**... VÀ VỚI TDT, ĐÂY CHÍNH XÁC LÀ THỜI ĐIỂM VÀNG ĐỂ BẮT ĐẦU QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI. Ở TDT HIỆN ĐÃ HỘI TỤ ĐẦY ĐỦ CÁC YẾU TỐ VỀ MẶT CON NGƯỜI, MÁY MÓC CÔNG NGHỆ, NGUỒN VỐN...**



## **D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2021	58
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	58
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	59
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2021	60
D5. Định hướng hoạt động năm 2022	62

## D1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã nỗ lực hết sức để thực hiện nhiệm vụ tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 giao phó. Trước sự phục hồi của ngành dệt may trong nước, HĐQT đã đưa ra những chiến lược quan trọng về định hướng phát triển công ty, phát triển nguồn nhân lực, định hướng khách hàng, mặt hàng giúp công ty đạt mức tăng trưởng tích cực. Đặc biệt HĐQT trong năm 2021 đã chỉ đạo thành công 03 việc. Một là phát hành tăng vốn điều lệ thành công và trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông hiện hữu. Hai là trước tình hình đại dịch Covid – 19 hết sức khó khăn trong Q3, HĐQT đã linh hoạt trong công tác sản xuất, hỗ trợ CBCNV lao động không phải nghỉ dẫn việc, đồng thời chỉ đạo và giám sát Ban TGD duy trì các chế độ, chính sách tiền lương, tiền thưởng, tháng lương thứ 13,... cho người lao động. Từ đó bình ổn được số lượng lao động của Công ty. Ngoài ra mở rộng xây dựng nhà kho thanh phẩm 9000 m2 – CN May TDT Đại Từ



## D2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỀ RA

**Trong năm 2021, Công ty đã đạt được những kết quả như sau:**

Hoàn thành các nội dung tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2021 giao phó.

Thực hiện thành công phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Định hướng đơn hàng và các chế độ chính sách tiền lương, phúc lợi cho CBCNV.

## D3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng giám đốc và những người điều hành khác đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng giám đốc và các bộ phận thực thi luôn bám sát và báo cáo tình hình thực hiện, tiến độ triển khai các dự án, hạng mục công việc so với kế hoạch đã lập ra, và tiến độ triển khai các kế hoạch tiếp theo, cụ thể là tiến độ triển khai thực hiện dự án mở rộng nhà máy may TDT Thịnh Đức, TDT Đầm Thụy và TDT Đại Từ;
- Yêu cầu Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;

- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng giám đốc và người điều hành khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
  - Tích cực tham gia vào các buổi họp các buổi họp định kỳ khác của Ban Tổng giám đốc nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Đánh giá chung
- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban TGD trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty.
  - Trong quá trình hoạt động, Ban TGD đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	TH 2021	KH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	270,83	408,93	475,57	151,0%	86,0%
LNTT	Tỷ đồng	18,3	21,28	41,50	116,4%	51,3%
LNST	Tỷ đồng	15,71	18,82		119,8%	
ROE	%	9,67%	9,15%			

## D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

### Danh sách của Ban giám đốc

Đầu năm 2020, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT nhiệm kỳ 2018-2023 là 06 thành viên, trong đó có 04 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 03 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Ngày 16/05/2021, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Bằng. Đến cuối năm 2021, HĐQT công ty gồm các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ
3	Phạm Thái Hòa	Thành viên
4	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập
6	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập
7	Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập

### Về tổ chức các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI DỰ HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	16	100%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ	16	100%
3	Phạm Thái Hòa	Thành viên	16	100%
4	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên	13	81%
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập	16	100%
6	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập	16	100%
7	Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập	16	100%

## D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

### Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG
1	01/2021/NQ-HĐQT	12/01/2021	1. Đề xuất thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 139,46 tỷ đồng lên 278,92 tỷ đồng nhằm xây dựng nhà máy may TDT Đại Từ giai đoạn 2 và bổ sung vốn lưu động. 2. Đề xuất chuyển niêm yết cổ phiếu TDT từ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
2	02/2021/NQ-HĐQT	24/03/2021	Hội đồng nhất trí thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
3	03/2021/NQ-HĐQT	25/03/2021	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
4	04/2021/NQ-HĐQT	17/06/2021	1. Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tang vốn điều lệ theo phương án đã được thông qua tại nghị quyết 01/2021/NQ-HĐQT. 2. Thông qua việc triển khai phương án sử dụng vốn thu được từ việc chào bán. 3. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
5	05/2021/NQ-HĐQT	23/06/2021	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
6	06/2021/NQ-HĐQT	23/06/2021	Thông qua quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
7	07/2021/NQ-HĐQT	23/06/2021	Cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán
8	08/2021/NQ-HĐQT	30/06/2021	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPF Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021.
9	09/2021/NQ-HĐQT	05/07/2021	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Văn Bằng
10	10/2021/NQ-HĐQT	13/07/2021	Cam kết 1 số ngành nghề kinh doanh đảm bảo TLSH nước ngoài
11	11/2021/NQ-HĐQT	21/07/2021	Thông qua danh sách chào bán và nguyên tắc phân phối theo chương trình lựa chọn cho người lao động
12	12/2021/NQ-HĐQT	21/07/2021	Cam kết thực hiện việc phân phối cổ phiếu còn dư trong đợt chào bán trong đợt chào bán theo quy định pháp luật
13	13/2021/NQ-HĐQT	18/10/2021	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
14	14/2021/NQ-HĐQT	27/10/2021	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức
15	15/2021/NQ-HĐQT	09/12/2021	Thông qua việc xử lý cổ phiếu còn dư của đợt phát hành cho Người lao động
16	16/2021/NQ-HĐQT	18/12/2021	Thông qua việc xử lý cổ phiếu còn dư của đợt phát hành cổ phiếu và chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

## D5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

### Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã phê duyệt, thu nhập (bao gồm lương, thưởng và thù lao) đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2021 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	Chu Thuyên	CT HĐQT	495,285,832	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Việt Thắng	PCT HĐQT	328,011,613	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Văn Bằng	TV HĐQT/ Phó TGD	288,082,586	Thành viên điều hành
4	Phạm Thái Hòa	TV HĐQT/ KTT	262,650,650	Thành viên điều hành
5	Dương Ngọc Hải	TV. HĐQT độc lập	35,000,000	TV. HĐQT độc lập
6	Đỗ Mạnh Hùng	TV. HĐQT độc lập	35,000,000	TV. HĐQT độc lập
7	Phan Mạnh Hà	TV. HĐQT độc lập	35,000,000	TV. HĐQT độc lập
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1,479,030,681</b>	

### Mục tiêu và kế hoạch của năm 2022

Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TĐT tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững và minh bạch bằng việc sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi; nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của thế giới nói chung và ngành may mặc nói riêng; đầu tư sâu vào máy móc thiết bị công nghệ cao, các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, kiểm soát tối đa các rủi ro.

Trên cơ sở đó, Ban TGD đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2021 trình HĐQT như sau:

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2021	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	551,56	409,07	135%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	44,10	21,28	207%
Cổ tức (%)	10-15%	10- 15%	

### Các giải pháp thực hiện:

- Triển khai thực hiện nhanh các dự án để đưa vào sản xuất kinh doanh trong thời gian ngắn nhất
- Sử dụng nguồn vốn của Công ty một cách hợp lý, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí
- Nâng cao trình độ quản trị, năng lực quản lý của HĐQT, Ban TGD và cán bộ công nhân viên
- Định hướng lựa chọn khách hàng, đối tác, mặt hàng phù hợp với năng lực của Công ty và mang lại hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục đầu tư sâu vào công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động
- Xây dựng văn hóa, môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động; tiếp tục nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý và người lao động trong công ty.





## **E. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

E1. Hội đồng quản trị	66
E2. Ban kiểm soát	66
E3. Tăng cường quản trị công ty	69

## E1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên Hội đồng quản trị Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 Các nghị quyết của HĐQT năm 2021

(Thông tin đã nêu ở phần D. Báo cáo của Hội đồng quản trị)

## E2. BAN KIỂM SOÁT

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2021. Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2021: Định kỳ hàng tháng, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động, sản xuất kinh doanh của chi nhánh, xí nghiệp và toàn Công ty. Sau kiểm soát. Ban kiểm soát đều có biên bản làm việc với Ban Tổng Giám đốc. Kế toán trưởng đưa ra những tồn tại cần khắc phục trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính của Công ty, qua đó góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao.
- Trong năm 2021 HĐQT đã ra 16 Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tăng vốn điều lệ; chuyển sàn từ HNX sang HSX; Thông qua về tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu;

Miễn nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023; sửa đổi Điều lệ công ty; miễn nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

- Ban Tổng giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo quy định của Pháp luật và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện tốt các Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể. Căn cứ hướng dẫn các quy định của Công ty ban hành, hàng ngày theo dõi hành vi, vi phạm nội quy, quy chế của cán bộ công nhân viên. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo công tác điều hành đã thực hiện các giải pháp về đơn hàng và tổ chức sản xuất phù hợp với phương án kỹ thuật, đẩy mạnh năng suất lao động của toàn công ty.

### Thành viên Ban kiểm soát (BKS)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban	5	100%
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Ủy viên	5	100%
3	Nguyễn Thị Kim Thành	Ủy viên	5	100%

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm qua BKS triệu tập 5 cuộc họp, nội dung về công tác nhân sự, kiểm tra và đôn đốc nhắc nhở nhiệm vụ của từng thành viên, chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát từng mảng của mình được phân công, phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên BKS - BKS tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến trong công tác kế hoạch sản xuất và điều hành sản xuất kinh doanh, trong công tác quản lý và quản trị công ty

### Công tác kiểm tra

a. Công tác kiểm tra tài chính: Kiểm tra công tác tài chính trong năm được 5 đợt kiểm tra, chứng từ kế toán, ngân hàng, hợp đồng kinh tế và kiểm tra quyết toán tài chính quý năm. Trong quá trình kiểm tra có một số sai sót đã tham gia với bộ phận chuyên môn khắc phục kịp thời; chứng từ lưu được đóng theo từng tháng.

b. Công tác kiểm tra ATVSLĐ - PCCN, CSLĐ Tổng số CNLĐ được giao kết HĐLĐ: 2052 người. Số lao động được ký kết đóng BHXH là: 1662 người. Hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo công việc có tính chất nhất định (dưới 12 tháng): 390 người.

Các chế độ của người lao động được bảo đảm như: 100% CNVLĐ làm việc tại công ty được ký HĐLĐ, được hưởng BHXH, BHYT, tiền lương, thưởng, chế độ lao động nữ, đã giải quyết kịp thời các chế độ, quyền lợi cho CNVCLĐ theo đúng qui định của Bộ luật lao động.

Công ty thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, bộ phận BHLĐ, bộ phận y tế trong doanh nghiệp. Thực hiện tốt các công tác An toàn vệ sinh lao động và PCCC, Tổ chức bộ máy làm công tác bảo hộ lao động tại đơn vị từ tổ sản xuất đến các phòng ban.

• Mạng lưới An toàn vệ sinh được thành lập tháng 8 năm 2018 với tổng số là 28 người, hàng tháng, Công ty phụ cấp 30.000 đ/người/tháng. Lập kế hoạch dự trù cấp phát BHLĐ cho năm 2021 với tổng số tiền là 732.500.000 đ.

### Công tác quản trị doanh nghiệp, hoạch định nguồn nhân sự

Tiếp tục chỉ đạo sát sao trong công tác xây dựng quy chế phân phối thu nhập mới nhằm tuyển dụng các vị trí quản lý cao cấp có chất lượng cao. Đáp ứng được trong nhu cầu sản xuất kinh doanh và phục vụ cho các dự án chiến lược mới của Công ty.

Tinh giản bộ máy quản lý, nhất là nhân sự tại các bộ phận gián tiếp nhằm tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả làm việc cũng như tiền lương của cán bộ công nhân viên. Lựa chọn các cá nhân phù hợp và cử đi thăm quan, học hỏi dài ngày tại các đơn vị có hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh (Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Phong, Công ty Hà Thanh) để nâng cao năng lực quản lý và tổ chức sản xuất, nhất là các cán bộ quản lý và kỹ thuật - công nghệ tại Nhà máy Đại Từ. nơi còn thiếu bề dày kinh nghiệm về sản xuất mặt hàng dệt kim.

Bên cạnh đó, chỉ đạo xây dựng, triển khai các kế hoạch chủ động ứng phó với tình hình biến động của thị trường trong và ngoài nước do ảnh hưởng của dịch

## E2. BAN KIỂM SOÁT

### Thù lao của Ban kiểm soát năm 2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng BKS	40.000.000
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên BKS	266.162.876
3	Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên BKS	178.098.813
Tổng cộng			484.261.689

### Đánh giá kết quả kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021

Khoản mục	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ đạt 2021 (%)
Doanh thu tiêu thụ	475,57	409,07	272,1	85,8
Lợi nhuận trước thuế	41,5	21,3	18,3	51,3

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	220,1	321,5	Tăng 46%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	174,5	195,9	Tăng 12,2%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	181,7	238,1	Tăng 31%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	43,07	37,9	Giảm 12%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,7	18,82	Tăng 19,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	169,96	241,45	Tăng 42%

- Năm 2021, kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19 khiến các khách hàng của công ty giảm đơn hàng khi nhu cầu mua sắm của người dân giảm mạnh đặc biệt là trong Q3/2021 khi tình hình dịch bệnh trở nên nặng nề, giãn cách xã hội ảnh hưởng đến việc triển khai đơn hàng mới

- Về đầu tư nhà xưởng mới: Công ty mở rộng xây dựng nhà kho Thành phẩm 9000m2 - CN May TDT Đại Từ

## E2. BAN KIỂM SOÁT

### Những kiến nghị của Ban kiểm soát về phương hướng năm 2022

Để tăng lợi nhuận ngoài việc tăng năng suất lao động, doanh thu tăng, giảm chi phí, hội đồng quản trị, ban giám đốc cần chỉ đạo điều hành giảm một số chi phí nổi bật sau:

- Năm 2021 chi phí xuất nhập khẩu và vận tải chiếm 4,2% trên doanh thu sản xuất và chiếm 6,4% trên giá CM với tỷ lệ trên là cao.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao hơn 19% so với năm 2020 cần được giảm xuống.
- Chi phí tài chính duy trì so với năm 2020.
- Chi phí bán hàng duy trì so với năm 2020.

Qua một năm ban kiểm soát hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và quy chế hoạt động của ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội thường niên năm 2021. Ban kiểm soát đã thực hiện được một số nhiệm vụ trên, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện được những chỉ tiêu cơ bản mà Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đã biểu quyết thông qua. Bên cạnh đó còn hạn chế là 2/3 thành viên ban kiểm soát kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều, ảnh hưởng tới thời gian kiểm tra.

## E3. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Phối hợp giữa Ban kiểm soát trong điều hành

- Việc phối hợp giữa Hội Đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, góp phần để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt.
- Tham gia hội đồng đàm phán hợp đồng với các khách hàng, nhà cung cấp, bàn giá theo hội đồng công khai.
- Trước khi ký kết hợp đồng hoặc mua, hoặc bán các hợp đồng khác, các cá nhân có thẩm quyền ký kết đều thông tin đến Ban kiểm soát để thẩm định về mặt pháp lý nhằm tránh các rủi ro về thành toán và phải có dấu xác nhận của Ban kiểm soát thì lãnh đạo công ty mới phê duyệt để thực hiện Hợp đồng.
- Ban lãnh đạo công ty căn cứ vào kết quả đánh giá nhà cung cấp của Ban kiểm soát để phê duyệt nhà cung cấp, từ đó ký kết hợp đồng với nhà cung cấp.
- Kiểm soát các báo cáo KQKD theo tháng, theo quý, nếu lỗi, ban kiểm soát sẽ kiểm tra, phân tích nguyên nhân lỗi, kế hoạch các tháng tiếp theo và đề xuất các khuyến nghị.



## F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

---

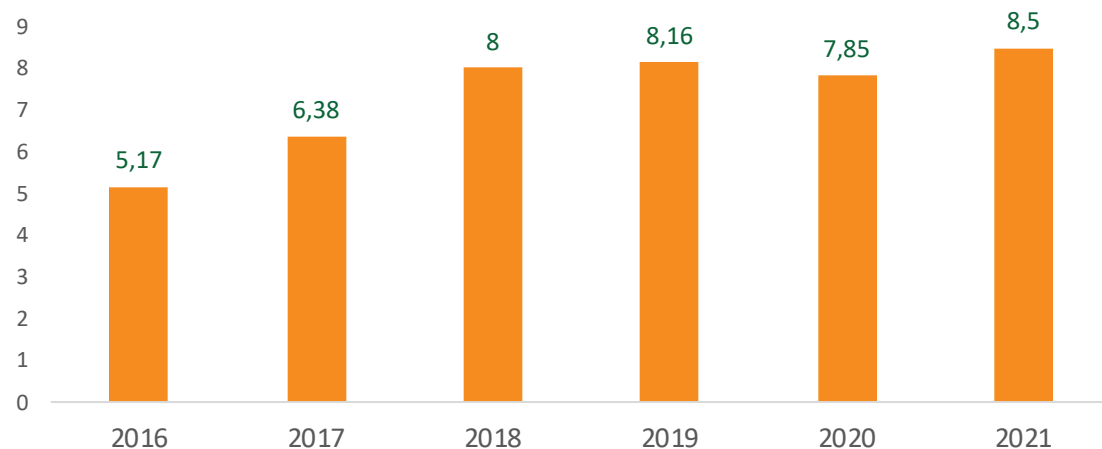
F1. Chính sách người lao động	72
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	74

## F1. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với đặc thù của ngành may mặc xuất khẩu, chất lượng lao động có tác động lớn tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, TDT luôn chú trọng việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn. Thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm không ngừng nâng cao tay nghề, chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ lao động.

Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)	4,95	5,17	6,38	8	8,16	7,85	8,5

Thu nhập bình quân lao động



Để thu hút và giữ chân người lao động có chất lượng cao gắn bó lâu dài với công ty, TDT đã và đang thực hiện chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp. Trong giai đoạn 2016-2021, mức lương trung bình của người lao động tăng dần qua các năm. Để tạo động lực cho người lao động, công ty cũng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.

Trong năm 2021 đại dịch diễn biến phức tạp trong nước khiến đời sống của nhiều người lao động gặp khó khăn, công ty đã có nhiều việc làm thể hiện sự quan tâm đến các CBCNV, san sẻ và giúp đỡ CBCNV trong thời gian đại dịch hoành hành.

## F1. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Một số sự kiện dành cho người lao động được Công ty tiến hành tổ chức trong năm 2021

- Tổ chức xét nghiệm thường xuyên cho các CBCNV tại các nhà máy
- Tổ chức thăm hỏi CBCNV bị mắc covid với tinh thần quan tâm, chia sẻ động viên người lao động
- Triển khai đồng loạt hoạt động cấp phát C sủi và sữa cho người lao động tại các nhà máy. Với phương châm sức khỏe người lao động là tài sản lớn nhất của Công ty
- Tổ chức và tặng quà cho người lao động nhân dịp Tết nguyên đán Nhâm Dần.



## F2. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, TDT không chỉ chú trọng lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến lợi ích của xã hội, đặc biệt là cộng đồng địa phương, nơi Công ty đặt nhà máy hoạt động. Ngành dệt may là ngành thâm dụng lao động nên TDT cũng như các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực luôn cần một lượng lớn lao động. Vì thế, Công ty đang góp phần tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho một lượng lớn lao động trong khu vực. Bên cạnh đó, TDT cũng thực hiện các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác.

### TẶNG QUÀ VÀ TIỀN HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG

Công ty đã tặng quà và tiền cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn địa phương xã, huyện tham gia các hoạt động điển hình như: Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện “Tuần cao điểm Tết, vì người nghèo năm 2021”





## G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**





**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 11 (mười một) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 213.367.320.000 đồng (Hai trăm mười ba tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng./).

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Chu Thuyên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên
- Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên
- Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập
- Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập
- Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên
- Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc (Tiếp theo)**

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng giám đốc  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng

Số: 19/2022/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT được lập ngày 16 tháng 03 năm 2022, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc của kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



---

**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2018-242-1

---

**Nguyễn Thị Thùy**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4057-2019-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Điem Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>321.532.012.616</b>	<b>220.141.729.188</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>57.472.898.620</b>	<b>8.745.655.851</b>
1. Tiền	111		57.472.898.620	8.745.655.851
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.710.923.570</b>	<b>32.743.282.817</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	53.307.191.362	25.223.439.355
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.875.940.479	420.443.462
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	65.000.000	2.135.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	462.791.729	4.964.400.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>201.698.590.561</b>	<b>174.066.086.320</b>
1. Hàng tồn kho	141		201.741.475.620	174.108.971.379
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.885.059)	(42.885.059)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.649.599.865</b>	<b>4.586.704.200</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	1.149.414.211	185.331.528
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.500.090.064	4.398.562.372
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	95.590	2.810.300
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>195.906.219.856</b>	<b>174.593.244.937</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.177.977.496</b>	<b>1.767.679.235</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	3.177.977.496	1.767.679.235
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>129.352.377.367</b>	<b>110.655.171.979</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	87.825.453.546	95.127.920.981
- Nguyên giá	222		193.711.051.767	185.745.277.473
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.885.598.221)	(90.617.356.492)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	15.599.213.994	2.562.673.955
- Nguyên giá	225		17.063.890.322	2.598.767.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.464.676.328)	(36.094.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	25.927.709.827	12.964.577.043
- Nguyên giá	228		28.084.712.052	14.346.211.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.157.002.225)	(1.381.634.309)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>61.371.798.312</b>	<b>59.973.866.755</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	61.371.798.312	59.973.866.755
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.004.066.681</b>	<b>2.196.526.968</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.004.066.681	2.196.526.968
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>517.438.232.472</b>	<b>394.734.974.125</b>

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

7

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>275.987.036.067</b>	<b>224.775.049.819</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>238.066.256.946</b>	<b>181.705.957.220</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	26.653.524.506	12.001.856.244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	44.763.283
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.378.357.573	1.592.385.678
4. Phải trả người lao động	314		12.067.596.381	10.526.981.686
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.778.684.237	525.686.521
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.355.125.510	4.823.522.754
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	191.706.042.416	150.967.098.579
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	1.126.926.323	1.223.662.475
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.920.779.121</b>	<b>43.069.092.599</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	37.920.779.121	43.069.092.599
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>241.451.196.405</b>	<b>169.959.924.306</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>241.451.196.405</b>	<b>169.959.924.306</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.367.320.000	139.461.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.367.320.000	139.461.440.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		28.083.876.405	30.498.484.306
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.265.480.458	14.785.291.897
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.818.395.947	15.713.192.409
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>517.438.232.472</b>	<b>394.734.974.125</b>

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thúy Nga

Phạm Thái Hòa

Nguyễn Việt Thắng

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

8



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	409.068.691.152	272.099.168.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	139.384.467	1.270.600.399
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		408.929.306.685	270.828.568.115
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	319.897.237.337	195.020.501.403
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.032.069.348	75.808.066.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2.170.387.605	1.141.041.772
7. Chi phí tài chính	22	6.5	10.231.389.743	6.627.104.096
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.080.155.239	6.137.550.856
8. Chi phí bán hàng	25		9.275.184.210	9.696.316.245
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	52.035.454.171	43.699.473.690
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.660.428.829	16.926.214.453
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.992.434.044	1.352.109.854
12. Chi phí khác	32	6.7	372.755.453	222.439
13. Lợi nhuận khác	40		1.619.678.591	1.351.887.415
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.280.107.420	18.278.101.868
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.461.711.473	2.564.909.459
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.818.395.947	15.713.192.409
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.275	1.261

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thúy Nga

Phạm Thái Hòa

Nguyễn Việt Thắng

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

9

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>21.280.107.420</b>	<b>18.278.101.868</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		22.233.163.223	19.721.545.810
- Các khoản dự phòng	03		-	8.577.011
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		185.980.689	(316.591.856)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(262.199.735)	(7.984.700)
- Chi phí lãi vay	06		9.080.155.239	6.137.550.856
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>52.517.206.836</b>	<b>43.821.198.989</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.889.162.132)	1.744.781.939
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.632.504.241)	(53.153.055.677)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.038.084.269	(19.220.990.022)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(771.622.396)	1.115.944.045
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.200.545.205)	(6.137.550.856)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.665.284.055)	(1.859.625.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(411.000.000)	(56.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.014.826.924)</b>	<b>(33.745.296.986)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(27.653.368.240)	(35.270.225.191)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.327.780.303	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.250.000.000)	(2.135.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.320.000.000	2.120.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		200.911.857	7.984.700
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(24.054.676.080)</b>	<b>(35.277.240.491)</b>

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

10

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Mẫu số B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		52.987.140.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		396.117.626.941	313.844.880.350
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(372.068.626.401)	(277.087.101.856)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.340.451.395)	(34.513.920)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>75.695.689.145</b>	<b>36.723.264.574</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>47.626.186.141</b>	<b>(32.299.272.903)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.745.655.851	41.154.000.839
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.101.056.628	(109.072.085)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>57.472.898.620</b>	<b>8.745.655.851</b>

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thúy Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thái Hòa

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Thắng

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 11 (mười một) lần thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 213.367.320.000 đồng (Hai trăm mười ba tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng./.).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất hàng may mặc.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mỹ phẩm, đồ lưu niệm);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Giáo dục nghề nghiệp (Dạy nghề may công nghiệp);
- Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính đặt tại xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Số lượng lao động tại ngày 31/12/2021: 1.900 người.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

**4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

**4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền quý
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

**4.6.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất	49 năm
---------------------	--------

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### 4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

#### 4.10. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

#### 4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí lãi vay phải trả. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng, khế ước vay.

#### 4.13. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông phải được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.



- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

#### 4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

#### 4.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### 4.17. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

#### 4.18. Thuế

##### Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm chịu thuế suất thuế GTGT là 0% và 10%.

##### Thuế thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm.

Trong năm 2011, Công ty có đầu tư dự án tại vùng kinh tế khó khăn (Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000095 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011). Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 và Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 như sau:

Tại mục 4 điều 15, mục 3 điều 16 chương IV, của Nghị định 124/2008/NĐ-CP thuế suất ưu đãi 20 % trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50 % số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tại mục 2 điều 20, chương V của Nghị định 218/2013/NĐ-CP nêu rõ, tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015 trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất

ưu đãi là 20% quy định tại khoản 3 điều 15 Nghị định này kể từ 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng thuế suất 17% cho thời gian còn lại.

Năm 2019, Chi nhánh May TDT Đại Từ thành lập và đi vào hoạt động. Theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế. Tại điều 6, chương I nêu rõ việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, điều 20, Thông tư 78/2014/TT-BTC như sau: Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Trong năm, Công ty đang áp dụng thuế TNDN như sau: Công ty áp dụng thuế suất 17%; Chi nhánh May TDT Đại Từ được miễn thuế.

Các loại thuế khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### 4.20. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.22. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.6.

#### **4.23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Gia công hàng hóa và sản xuất thành phẩm nguyên chiếc.

##### **Khu vực địa lý**

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu là hoạt động xuất khẩu và nội địa.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt	213.497.045	413.466.508
Tiền gửi ngân hàng	57.259.401.575	8.332.189.343
<b>Cộng</b>	<b>57.472.898.620</b>	<b>8.745.655.851</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Asmara International Limited	10.849.604.272	8.648.366.058
Công ty TNHH May Bình Minh - ATC	-	1.973.603.628
Pan-Pacific Co., Ltd.	4.096.021.141	2.107.591.494
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	-	548.651.000
Cobest Hong Kong Co., Ltd.	9.599.588.630	5.615.566.824
Capital Garment Co., Ltd.	6.445.156.033	6.109.339.660
Sea - a Tranding Co., Ltd.	6.003.858.625	-
Phải thu khách hàng khác	16.312.962.661	220.320.691
<b>Cộng</b>	<b>53.307.191.362</b>	<b>25.223.439.355</b>
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b>	-	-

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Thang máy và Thiết bị Alphas Việt	495.000.000	-
Công ty TNHH Chính xác AMC	181.483.533	-
Anhui Whywin Light Industries And Textile Co., Ltd.	666.050.616	-
Trả trước người bán ngắn hạn khác	533.406.330	420.443.462
<b>Cộng</b>	<b>1.875.940.479</b>	<b>420.443.462</b>
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**5.4 Phải thu khác**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>462.791.729</b>	-	<b>4.964.400.000</b>	-
- Phải thu khác	162.624.329	-	-	-
- Tạm ứng	300.167.400	-	4.964.400.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.177.977.496</b>	-	<b>1.767.679.235</b>	-
- Phải thu khác	603.627.261	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	2.574.350.235	-	1.767.679.235	-
<b>Cộng</b>	<b>3.640.769.225</b>	-	<b>6.732.079.235</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.5 . Phải thu về cho vay**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Bùi Hồng Vân	-	-	1.800.000.000	-
Đào Thị Thu Thùy	-	-	160.000.000	-
Bùi Minh Thái	-	-	110.000.000	-
Bùi Huy Tùng (i)	65.000.000	-	65.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>65.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.135.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Hợp đồng vay tiền số 05/BHT-TDT/2021 ngày 17/10/2021, số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	16.509.474.571	-	20.485.124.597	-
Công cụ, dụng cụ	101.537.034	-	77.712.280	-
Chi phí SXKD dở dang	11.508.711.128	-	2.466.079.483	-
Thành phẩm nhập kho	173.578.867.828	-	151.037.169.960	-
Hàng hóa	42.885.059	(42.885.059)	42.885.059	(42.885.059)
<b>Cộng</b>	<b>201.741.475.620</b>	<b>(42.885.059)</b>	<b>174.108.971.379</b>	<b>(42.885.059)</b>

**5.7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>61.371.798.312</b>	<b>59.973.866.755</b>
+ Cải tạo và mở rộng nhà xưởng	61.371.798.312	59.973.866.755
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.371.798.312</b>	<b>59.973.866.755</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	76.960.360.748	99.604.453.211	6.944.286.474	1.936.889.889	299.287.151	185.745.277.473
Tăng trong năm	6.196.881.081	7.062.234.726	1.802.500.000	-	340.220.000	15.401.835.807
- Mua trong năm	146.178.929	7.062.234.726	1.211.181.818	-	340.220.000	8.759.815.473
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.233.422.496	-	-	-	-	5.233.422.496
- Tăng khác	817.279.656	-	591.318.182	-	-	1.408.597.838
Giảm trong năm	-	6.377.122.036	1.040.889.870	18.049.607	-	7.436.061.513
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.986.573.805,0	1.040.889.870	-	-	6.027.463.675
- Giảm khác	-	1.390.548.231	-	18.049.607	-	1.408.597.838
Số dư cuối năm	83.157.241.829	100.289.565.901	7.705.896.604	1.918.840.282	639.507.151	193.711.051.767
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	28.411.775.680	55.424.987.533	5.474.047.605	1.041.349.774	265.195.900	90.617.356.492
Tăng trong năm	7.868.040.297	11.608.629.414	643.412.657	273.703.419	49.173.667	20.442.959.454
- Số khấu hao trong năm	7.454.293.823	11.608.629.414	643.412.657	273.703.419	49.173.667	20.029.212.980
- Tăng khác	413.746.474	-	-	-	-	413.746.474
Giảm trong năm	-	3.997.487.515	1.080.014.111	97.216.098	-	5.174.717.724
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.767.957.138	993.014.112	-	-	4.760.971.250
- Giảm khác	-	229.530.377	86.999.999	97.216.098	-	413.746.474
Số dư cuối năm	36.279.815.977	63.036.129.432	5.037.446.151	1.217.837.095	314.369.567	105.885.598.221
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	48.548.585.068	44.179.465.678	1.470.238.869	895.540.115	34.091.251	95.127.920.981
2. Tại ngày cuối năm	46.877.425.852	37.253.436.469	2.668.450.453	701.003.187	325.137.584	87.825.453.546
Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:			34.172.205.476	VND		
Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp các khoản vay:			56.368.023.985	VND		

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

22

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	14.346.211.352	-	14.346.211.352
- Mua trong năm	-	40.900.000	40.900.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	13.697.600.700	-	13.697.600.700
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	28.043.812.052	40.900.000	28.084.712.052
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.381.634.309	-	1.381.634.309
Tăng trong năm	769.232.916	6.135.000	775.367.916
- Số khấu hao trong năm	769.232.916	6.135.000	775.367.916
Số dư cuối năm	2.150.867.225	6.135.000	2.157.002.225
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	12.964.577.043	-	12.964.577.043
Tại ngày cuối năm	25.892.944.827	34.765.000	25.927.709.827
Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:		- VND	
Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp các khoản vay:		- VND	

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	2.598.767.955	2.598.767.955
- Thuê tài chính trong năm	14.465.122.367	14.465.122.367
Số dư cuối năm	17.063.890.322	17.063.890.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	36.094.000	36.094.000
Tăng trong năm	1.428.582.328	1.428.582.328
- Số khấu hao trong năm	1.428.582.328	1.428.582.328
Số dư cuối năm	1.464.676.328	1.464.676.328
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	2.562.673.955	2.562.673.955
Tại ngày cuối năm	15.599.213.994	15.599.213.994

**5.11 Chi phí trả trước**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a) Ngắn hạn	1.149.414.211	185.331.528
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.149.414.211	185.331.528
b) Dài hạn	2.004.066.681	2.196.526.968
- Chi phí thuê đất làm xưởng	64.000.000	193.000.000
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.940.066.681	2.003.526.968
<b>Cộng</b>	<b>3.153.480.892</b>	<b>2.381.858.496</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

23

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.12 Phải trả người bán**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Máy may Giang Thành	852.124.800	852.124.800	1.066.996.988	1.066.996.988
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Dũng Hùng	576.800.205	576.800.205	588.215.205	588.215.205
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Phong	1.256.098.985	1.256.098.985	994.937.713	994.937.713
Shaoxing Wanzan Imp. And Exp.Co.Ltd.	3.886.928.036	3.886.928.036	-	-
.Suzhou Gaoyuan Textile Technology Co., Ltd	3.258.025.945	3.258.025.945	183.303.938	183.303.938
Công ty TNHH Bao Bì Hoa Nam	1.601.174.483	1.601.174.483	182.001.553	182.001.553
Các khoản phải trả người bán khác	15.222.372.052	15.222.372.052	8.986.400.847	8.986.400.847
<b>Cộng</b>	<b>26.653.524.506</b>	<b>26.653.524.506</b>	<b>12.001.856.244</b>	<b>12.001.856.244</b>

**b) Các khoản phải trả người bán dài hạn****c) Phải trả người bán là các bên liên quan****5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2021
- Thuế TNDN	1.464.948.038	2.461.711.473	1.665.284.055	2.261.375.456
- Thuế TNCN	125.557.640	230.624.444	243.019.967	113.162.117
- Thuế tài nguyên	-	288.000	288.000	-
- Thuế BVMT và Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.880.000	153.453.393	151.513.393	3.820.000
<b>Cộng</b>	<b>1.592.385.678</b>	<b>2.850.077.310</b>	<b>2.064.105.415</b>	<b>2.378.357.573</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT	15.517	4.821.946.274	4.821.946.274	15.517
- Thuế Xuất nhập khẩu	16.625	23.943.661	24.007.109	80.073
- Thuế nhà đất	2.778.158	64.919.080	62.140.922	-
<b>Cộng</b>	<b>2.810.300</b>	<b>4.910.809.015</b>	<b>4.908.094.305</b>	<b>95.590</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09 - DN

**5.14 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí thuê tài sản thế chấp	263.887.014	-
- Chi phí bảo hành và lãi vay phải trả	964.797.223	525.686.521
- Chi phí phải trả khác	550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.778.684.237</b>	<b>525.686.521</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	-	-

**5.15 Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Kinh phí công đoàn	1.659.914.651	1.871.191.643
- Bảo hiểm xã hội	685.210.859	2.952.331.111
- Phải trả, phải nộp khác	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.355.125.510</b>	<b>4.823.522.754</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09 - DN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021				01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>191.706.042.416</b>	<b>191.706.042.416</b>	<b>412.566.865.074</b>	<b>371.827.921.237</b>	<b>150.967.098.579</b>	<b>150.967.098.579</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>176.295.696.362</b>	<b>176.295.696.362</b>	<b>397.156.519.020</b>	<b>364.723.553.581</b>	<b>143.862.730.923</b>	<b>143.862.730.923</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	17.308.829.026	17.308.829.026	71.465.870.653	79.768.303.730	25.611.262.103	25.611.262.103
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	116.861.805.869	116.861.805.869	240.988.935.957	233.357.787.358	109.230.657.270	109.230.657.270
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	19.810.061.467	19.810.061.467	29.831.712.410	19.042.462.493	9.020.811.550	9.020.811.550
- Vay cá nhân (viii)	22.315.000.000	22.315.000.000	54.870.000.000	32.555.000.000	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>15.410.346.054</b>	<b>15.410.346.054</b>	<b>15.410.346.054</b>	<b>7.104.367.656</b>	<b>7.104.367.656</b>	<b>7.104.367.656</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (iv)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (v)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	280.000.000	280.000.000	280.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thái Nguyên (vi)	924.662.846	924.662.846	924.662.846	407.630.048	407.630.048	407.630.048
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (vii)	2.775.683.208	2.775.683.208	2.775.683.208	416.737.608	416.737.608	416.737.608
- Vay cá nhân (ix)	2.710.000.000	2.710.000.000	2.710.000.000	-	-	-
<b>b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>37.920.779.121</b>	<b>37.920.779.121</b>	<b>11.843.189.135</b>	<b>16.991.502.613</b>	<b>43.069.092.599</b>	<b>43.069.092.599</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (iv)	23.999.999.885	23.999.999.885	-	8.000.000.000	31.999.999.885	31.999.999.885
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (v)	227.760.643	227.760.643	-	1.200.000.000	1.427.760.643	1.427.760.643
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thái Nguyên (vi)	3.917.894.382	3.917.894.382	-	1.182.105.618	5.100.000.000	5.100.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (vii)	9.775.124.211	9.775.124.211	11.843.189.135	3.699.396.995	1.631.332.071	1.631.332.071
- Vay cá nhân (ix)	-	-	-	2.910.000.000	2.910.000.000	2.910.000.000
<b>Cộng</b>	<b>229.626.821.537</b>	<b>229.626.821.537</b>	<b>424.410.054.209</b>	<b>388.819.423.850</b>	<b>194.036.191.178</b>	<b>194.036.191.178</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Vay các bên liên quan**

Nguyễn Huy Hoàng - Cổ đông	3.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Lê Thị Hồng Thắm - Trưởng ban Kiểm soát	200.000.000	200.000.000	500.000.000	300.000.000	-	-
Lê Thị Hiền - Người thân của người quản lý chủ chốt	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
Bùi Thị Dậu- Người thân của người quản lý chủ chốt	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**c. Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	31/12/2021			01/01/2021		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	(*)	(*)	2.775.683.208	(*)	(*)	416.737.608
- Trên 1 năm đến 5 năm	(*)	(*)	9.775.124.211	(*)	(*)	1.631.332.071
- Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-

(\*) Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê tài chính giải ngân khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp/Bên nhận ủy thác nhập khẩu và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor 6 tháng gần nhất cộng biên độ 4.5%/năm. Trong hợp đồng không có kế hoạch trả lãi.

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/4642906/HĐTD ngày 30/07/2021. Theo đó, hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc ngoại tệ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Biện pháp bảo đảm được thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT220-TDT ngày 06/10/2021. Theo đó, hạn mức cho vay là 135.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 06/10/2021 đến hết ngày 30/09/2022, thời hạn và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc. Biện pháp bảo đảm được quy định theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD2802021104 ngày 22 tháng 02 năm 2021. Theo đó, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, lãi suất và thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Biện pháp bảo đảm bằng ba xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty và tài sản của bên thứ ba. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên được cấp tín dụng.

(iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/4642906/HĐTD ngày 05/08/2019. Theo đó, số tiền vay là 46.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cho vay là 72 tháng, lãi suất 10%/năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên sau đó sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy định của BIDV từng thời kỳ. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy Đại Từ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy may TDT Đại Từ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2020-HĐCVĐADT/NHCT220-TDT ngày 27/02/2020, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 04/2020-HĐCV-SĐBS[01]/NHCT220- TDT. Theo đó, số tiền vay không vượt quá 10.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn cho vay là 4 năm, lãi suất 9,5%/năm trong 01 năm đầu, những năm tiếp theo thực hiện theo quy định của NHCT từng thời kỳ và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, thay thế 8 chuyen may tại Nhà xưởng A1 thuộc nhà máy TDT Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(vi) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2802019031 ngày 30/01/2019. Theo đó, số tiền vay là 11.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND. Thời hạn cho vay là 4 năm, lãi suất vay được ghi cụ thể trên Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may sẵn, chăn, ga, gối, đệm mở rộng tại xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Khoản vay được đảm bảo bằng biện pháp thế chấp các tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng.

(vii) Vay Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam gồm những hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.20.06/CTTC ngày 9 tháng 10 năm 2020. Tài sản thuê tài chính bao gồm Máy trải vải tự động hiệu Kawakami NK 300CSI, Chăn và bàn máy trải vải loại có thổi hơi với phụ kiện đồng bộ, chăn và bàn để di chuyển máy trải vải. Số tiền thuê: 89.841,6 USD. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.01/CTTC ngày 11 tháng 01 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus loại máy vắt số 3 kim 6 chỉ, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần đề xén trái, để trụ. Số tiền thuê: 3.060.277.280 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.03/CTTC ngày 26 tháng 04 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần đề để bằng 3 kim 5 chỉ. Số tiền thuê: 1.698.861.472 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.04/CTTC ngày 20 tháng 05 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy trần đề Siruba. Số tiền thuê: 775.139.200 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.05/CTTC ngày 12 tháng 04 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy trải vải tự động Kawakami. Số tiền thuê: 89.050 USD. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.11/CTTC ngày 09 tháng 12 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm 10 máy may công nghiệp lập trình trần bông điện tử. Số tiền thuê: 853.031.667 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.12/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy vắt số 2 kim 4 chỉ. Số tiền thuê: 765.172.100 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.13/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy trần đề để bằng 3 kim 5 chỉ, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần đề xén trái, để trụ 3 kim 5 chỉ. Số tiền thuê: 1.585.329.823 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.16/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm máy may công nghiệp vắt số khổ nhỏ Siruba, máy may công nghiệp trần đề đầu nhỏ hiệu Siruba, máy may công nghiệp trần đề đầu nhỏ Siruba. Số tiền thuê: 823.823.000 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng

Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.17/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm máy vắt số 4 chỉ Siruba. Số tiền thuê: 215.985.000 VND. Thời hạn thuê 60 tháng. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời điểm.

(viii) Vay cá nhân ngắn hạn đều là hợp đồng vay tín chấp, thời hạn vay từ 12 tháng trở xuống, lãi suất 10%.

(ix) Vay cá nhân dài hạn đều là hợp đồng vay tín chấp, thời hạn vay trên 12 tháng, lãi suất 10%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09 - DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	116.217.970.000	38.804.859.079	155.022.829.079
Tăng vốn trong năm trước	23.243.470.000	-	23.243.470.000
Lãi trong năm trước	-	15.713.192.409	15.713.192.409
Phân phối lợi nhuận	-	(24.019.567.182)	(24.019.567.182)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>139.461.440.000</b>	<b>30.498.484.306</b>	<b>169.959.924.306</b>
Tăng vốn trong năm	73.905.880.000	-	73.905.880.000
Lãi trong năm	-	18.818.395.947	18.818.395.947
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(21.233.003.848)	(21.233.003.848)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>213.367.320.000</b>	<b>28.083.876.405</b>	<b>241.451.196.405</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2021. Cụ thể như sau:

Trả cổ tức bằng cổ phiếu	20.918.740.000
Quý khen thưởng phúc lợi	314.263.848
<b>Cộng</b>	<b>21.233.003.848</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	31/12/2021 (VND)	Tỷ lệ %	01/01/2021 (VND)
Chi tiết các cổ đông				
Chu Thuýn	15,57%	33.229.650.000	15,8%	22.011.000.000
Nguyễn Việt Thắng	8,79%	18.745.000.000	8,6%	12.000.000.000
Nguyễn Huy Hoàng	1,73%	3.687.560.000	3,3%	4.554.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	73,91%	157.705.110.000	72,3%	100.896.440.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>213.367.320.000</b>	<b>100%</b>	<b>139.461.440.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	139.461.440.000	116.217.970.000
- Vốn góp tăng trong năm	73.905.880.000	23.243.470.000
- Vốn góp cuối năm	213.367.320.000	139.461.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	21.233.003.848	24.019.567.182

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.336.732	13.946.144
- Cổ phiếu phổ thông	21.336.732	13.946.144
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.336.732	13.946.144
- Cổ phiếu phổ thông	21.336.732	13.946.144
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Quý khen thưởng, phúc lợi	1.126.926.323	1.223.662.475
<b>Cộng</b>	<b>1.126.926.323</b>	<b>1.223.662.475</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

29

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	31/12/2021	01/01/2021
1, Ngoại tệ các loại		
+ USD	142.132,65	147.280,27
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	47.583,27	6.839,38
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	29.380,72	120.316,75
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.688,22	1.688,22
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	62.046,85	16.922,29
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.433,59	1.513,63
<b>Cộng</b>	<b>142.132,65</b>	<b>147.280,27</b>

**2, Vật liệu gia công**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có nắm giữ một số hàng nhận gia công của khách hàng nhưng chưa hoàn thành bàn giao là các nguyên vật liệu với 38 mã.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu xuất khẩu	363.699.336.834	252.120.116.362
Doanh thu nội địa	45.369.354.318	19.979.052.152
<b>Cộng</b>	<b>409.068.691.152</b>	<b>272.099.168.514</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giảm giá hàng bán	139.384.467	1.270.600.399
<b>Cộng</b>	<b>139.384.467</b>	<b>1.270.600.399</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn xuất khẩu	287.758.672.887	181.496.520.730
Giá vốn nội địa	32.138.564.450	13.515.403.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	8.577.011
<b>Cộng</b>	<b>319.897.237.337</b>	<b>195.020.501.403</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	200.911.857	7.984.700
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.969.475.748	816.465.216
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	316.591.856
<b>Cộng</b>	<b>2.170.387.605</b>	<b>1.141.041.772</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền vay	9.080.155.239	6.137.550.856
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	965.253.815	489.553.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	185.980.689	-
<b>Cộng</b>	<b>10.231.389.743</b>	<b>6.627.104.096</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi từ thanh lý tài sản	61.287.878	-
Thu từ bán phế liệu	198.634.024	58.707.745
Thu từ phí sửa hàng	755.571.705	1.009.056.130
Các khoản thu nhập khác	976.940.437	284.345.979
<b>Cộng</b>	<b>1.992.434.044</b>	<b>1.352.109.854</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí sửa hàng	67.153.155	-
Các khoản bị phạt	269.314.353	-
Các khoản chi phí khác	36.287.945	222.439
<b>Cộng</b>	<b>372.755.453</b>	<b>222.439</b>

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	453.559.408	494.404.128
Chi phí nhân công	43.813.010.689	35.968.949.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.550.000	37.070.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.972.596.251	4.322.913.954
Chi phí khác bằng tiền	2.732.737.823	2.876.134.872
<b>Cộng</b>	<b>52.035.454.171</b>	<b>43.699.473.690</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng:</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.275.184.210	6.035.575.765
Chi phí khác bằng tiền	-	3.660.740.480
<b>Cộng</b>	<b>9.275.184.210</b>	<b>9.696.316.245</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.700.879.993	90.282.979.928
Chi phí nhân công	192.406.285.037	151.306.350.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.233.163.223	19.721.545.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.635.954.361	20.843.163.833
Chi phí bằng tiền khác	3.058.273.459	7.468.461.977
<b>Cộng</b>	<b>365.034.556.073</b>	<b>289.622.501.549</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.280.107.420	18.278.101.868
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	683.026.615	131.932.745
+ <i>Lỗ do đánh giá lại tỷ giá các khoản tiền và phải thu cuối năm</i>	377.424.317	-
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	305.602.298	131.932.745
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	1.136.070.809	-
<i>Thu nhập không chịu thuế của khoản lãi chênh lệch tỷ giá</i>	1.136.070.809	-
Thu nhập chịu thuế	20.827.063.226	18.410.034.613
<b>Trong đó:</b>		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế suất 17%	14.480.655.725	15.087.702.704
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế miễn thuế	6.346.407.501	3.322.331.909
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>		
- Thuế suất thuế TNDN	17%	17%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.461.711.473</b>	<b>2.564.909.459</b>

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 17121000095 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011 Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 và nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 như sau:

Tại mục 4 điều 15, mục 3 điều 16 chương IV của nghị định 124/2008/NĐ-CP thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tại mục 2 điều 20, chương V của nghị định 128/2013/NĐ-CP nêu rõ, tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015 trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất ưu đãi là 20% quy định tại khoản 3 điều 15 nghị định này kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng thuế suất 17% cho thời gian còn lại.

**6.1 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	18.818.395.947	15.713.192.409
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	14.762.766	12.464.692
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.275</b>	<b>1.261</b>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

7.1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

7.2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

7.3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	396.117.626.941	313.844.880.350

7.4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	372.068.626.401	277.087.101.856



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>31/12/2021</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.472.898.620	-	57.472.898.620
Phải thu khách hàng	53.307.191.362	-	53.307.191.362
Phải thu khác	462.791.729	3.177.977.496	3.640.769.225
<b>Tổng cộng</b>	<b>111.242.881.711</b>	<b>3.177.977.496</b>	<b>114.420.859.207</b>
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Phải trả người bán	26.653.524.506	-	26.653.524.506
Phải trả khác	2.355.125.510	-	2.355.125.510
Chi phí phải trả	1.778.684.237	-	1.778.684.237
Các khoản vay và nợ	191.706.042.416	37.920.779.121	229.626.821.537
<b>Tổng cộng</b>	<b>222.493.376.669</b>	<b>37.920.779.121</b>	<b>260.414.155.790</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(111.250.494.958)</b>	<b>(34.742.801.625)</b>	<b>(145.993.296.583)</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>01/01/2021</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.745.655.851	-	8.745.655.851
Phải thu khách hàng	25.223.439.355	-	25.223.439.355
Phải thu khác	4.964.207.175	1.767.679.235	6.731.886.410
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.933.302.381</b>	<b>1.767.679.235</b>	<b>40.700.981.616</b>
Phải trả người bán	12.001.856.244	-	12.001.856.244
Phải trả khác	4.823.522.754	-	4.823.522.754
Chi phí phải trả	525.686.521	-	525.686.521
Các khoản vay và nợ	150.967.098.579	43.069.092.599	194.036.191.178
<b>Tổng cộng</b>	<b>168.318.164.098</b>	<b>43.069.092.599</b>	<b>211.387.256.697</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(129.384.861.717)</b>	<b>(41.301.413.364)</b>	<b>(170.686.275.081)</b>

Công ty cho rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thuy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.472.898.620	8.745.655.851	57.472.898.620	8.745.655.851
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.769.983.091	30.187.839.355	53.769.983.091	30.187.839.355
Phải thu khác dài hạn	3.640.769.225	6.732.079.235	3.640.769.225	6.732.079.235
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.883.650.936</b>	<b>45.665.574.441</b>	<b>114.883.650.936</b>	<b>45.665.574.441</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	26.653.524.506	12.001.856.244	26.653.524.506	12.001.856.244
Phải trả khác	2.355.125.510	4.823.522.754	2.355.125.510	4.823.522.754
Các khoản vay và nợ	229.626.821.537	194.036.191.178	229.626.821.537	194.036.191.178
<b>Tổng cộng</b>	<b>258.635.471.553</b>	<b>210.861.570.176</b>	<b>229.626.821.537</b>	<b>194.036.191.178</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.2 Báo cáo bộ phận****8.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính : VND

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất gia công hàng hóa và sản xuất sản phẩm. Báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày như sau:

Năm 2021	Hoạt động gia công	Hoạt động sản xuất thành phẩm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	282.747.353.045	126.321.338.107	409.068.691.152
Các khoản giảm trừ doanh thu	135.028.521	4.355.946	139.384.467
Giá vốn hàng bán	217.169.599.680	102.727.637.657	319.897.237.337
Lợi nhuận gộp	<b>65.442.724.844</b>	<b>23.589.344.504</b>	<b>89.032.069.348</b>
Tổng tài sản	(*)	(*)	517.438.232.472
Nợ Phải trả	(*)	(*)	275.987.036.067
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	27.653.368.240
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	26.711.237.074
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

36

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Hoạt động gia công	Hoạt động sản xuất thành phẩm	Tổng cộng
Năm 2020	VND	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	151.674.996.445	120.424.172.069	272.099.168.514
Các khoản giảm trừ doanh thu	799.851.097	470.749.302	1.270.600.399
Giá vốn hàng bán	109.317.567.028	85.702.934.375	195.020.501.403
Lợi nhuận gộp	<b>41.557.578.320</b>	<b>34.250.488.392</b>	<b>75.808.066.712</b>
Tổng tài sản	(*)	(*)	394.734.974.125
Nợ Phải trả	(*)	(*)	224.775.049.819
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	37.352.808.790
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	27.748.206.695
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

37

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các hoạt động kinh doanh nội địa và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được trình bày như sau:

	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2021</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	45.369.354.318	363.699.336.834	409.068.691.152
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.146.548	134.237.919	139.384.467
Giá vốn hàng bán	32.138.564.450	287.758.672.887	319.897.237.337
Lợi nhuận gộp	<b>13.225.643.320</b>	<b>75.806.426.028</b>	<b>89.032.069.348</b>
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2020</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	19.979.052.152	252.120.116.362	272.099.168.514
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.270.600.399	1.270.600.399
Giá vốn hàng bán	13.515.403.662	181.496.520.730	195.011.924.392
Lợi nhuận gộp	<b>6.463.648.490</b>	<b>69.352.995.233</b>	<b>75.816.643.723</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

38

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

8.6 Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Chu Thuyên

Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Việt Thắng

Tổng giám đốc/Phó chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Bằng

Phó Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT

Ông Phạm Thái Hòa

Kế toán trưởng/ Thành viên HĐQT

Ông Dương Ngọc Hải

Thành viên HĐQT

Ông Phan Mạnh Hà

Thành viên HĐQT

Ông Đỗ Mạnh Hùng

Thành viên HĐQT

Bà Lê Thị Hồng Thắm

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Ngọc Tuyền

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Thành

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Huy Hoàng

Cổ đông

Ngoài ra còn các thành viên có liên quan của hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

b) Thu nhập và thù lao của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm 2021
Ông Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	495.285.832
Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc	328.011.613
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	288.082.586
Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	262.650.650
Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát	266.162.876
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên Ban Kiểm soát	178.098.813
<b>Cộng</b>		<b>1.818.292.370</b>

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thúy Nga

Phạm Thái Hòa



Nguyễn Việt Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Số 10/2022/CV-TDT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 03 năm 2022

**“V/v: Giải trình Báo cáo kiểm toán  
BCTC năm 2021 tăng so năm 2020”**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước.  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giữa các quý của kỳ công bố so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên hoặc kết quả kinh doanh bị lỗ.

Về vấn đề này, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT (TDT) xin được giải trình biến động của lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020 trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty như sau:

**1. Bảng so sánh doanh thu, lợi nhuận năm 2021 với năm 2020**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Thay đổi
Doanh thu thuần	<b>409.068.691.152</b>	<b>272.099.168.514</b>	50,33 %
Doanh thu tài chính	<b>2.170.387.605</b>	<b>1.141.041.722</b>	90,21 %
Chi phí tài chính	<b>10.231.389.743</b>	<b>6.627.104.096</b>	54,39 %
Chi phí bán hàng	<b>9.275.184.210</b>	<b>9.696.316.245</b>	( 4,34 %)
Chi phí quản lý DN	<b>52.035.454.171</b>	<b>43.699.473.690</b>	19,08 %
Thu nhập khác	<b>1.992.343.044</b>	<b>1.352.109.854</b>	47,35 %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	<b>18.818.395.947</b>	<b>15.713.192.409</b>	19,76 %

So với năm 2020 thì lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT tăng 19,76 %.

**2. Nguyên nhân chính:**





- Doanh thu thuần của Công ty năm 2021 so với năm 2020 tăng 50,33% do những lô hàng bị lùi lịch xuất do dịch bệnh covid được đã được giao trong năm để ghi nhận doanh thu và năng suất lao động của Nhà máy cũng đã cải thiện hơn so với năm trước .
- Doanh thu tài chính tăng 90,21 % do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá trong năm.
- Chi tài chính tăng 54,39 % do Lao động của Nhà máy TDT Đại Từ tăng thêm 650 lao động mới so với năm trước. Dẫn đến việc phải vay thêm để thanh toán tiền lương và BHXH khiến chi phí tài chính tăng, đồng thời để đáp ứng các đơn hàng mới cho nhà máy Chi nhánh Đại từ và bộ phận FOB nên Công ty phải vay thêm để nhập nguyên vật liệu để sản xuất và đem đi gia Công các nhà máy vệ tinh.
- Chi phí bán hàng giảm 4,34 % Tuy chi phí vận tải biển của hãng tàu tăng đột biến trong năm 2021 nhưng do Công ty chủ động đàm phán với khách là đi hàng nguyên Cont chứ không đi hàng lẻ và kết hợp với tận dụng đội xe của Công ty dẫn đến chi phí giảm so với năm trước .
- Chi phí quản lý Doanh nghiệp tăng 19,08 % do Nhà máy TDT Đại Từ tăng lao động sản xuất trong năm dẫn đến tăng thêm nhiều cán bộ quản lý dẫn đến chi phí Quản lý doanh nghiệp tăng thêm.
- Thu nhập khác tăng 47,35 % Do Công ty trong năm có xử lý cho khách một số nguyên phụ liệu lỗi để khách tận dụng được nguyên phụ liệu mà không phải đặt hàng lại lên khách trả cho khoản chi phí này.

Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển TDT cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

**Trân trọng.**

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Chu Chuyên*